



manabox

Where there is a will, there is a way

HỘI THẢO

VƯỢT SÓNG QUYẾT TOÁN THUẾ 2025

| Thứ Năm - 05.03.2026

| 9.00AM – 12.00AM



Cao Thị Hiền
Senior Consultant



Phan Thị Thùy Dung
Assistant Manager



Tổng hợp một số văn bản mới về thuế



1. Luật Quản lý thuế



Luật số 109/2025/QH15 thông qua 10/12/2025 Riêng Quy định mới cho hộ/cá nhân kinh doanh về khai, tính, khấu trừ thuế tại Đ.12, 13 & HĐĐT có hiệu lực từ **01/01/2026**.

Nghị định 373/NĐ-CP (31/12/2025): Sửa đổi ND 126/2020. Hiệu lực thi hành từ **14/02/2026**.

6. Thuế TNDN



Luật số 67/2025/QH15 (14/6/2025): Hiệu lực **01/10/2025**, áp dụng từ kỳ tính thuế 2025.

Nghị định 320/2025/NĐ-CP (15/12/2025): Quy định chi tiết thi hành. Hiệu lực từ **15/12/2025**.

Lưu ý: Quy định về thanh toán không dùng tiền mặt & chuyển nhượng vốn áp dụng ngay từ 15/12/2025.



2. Thuế GTGT



Luật số 149/2025/QH15 (11/12/2025): Sửa đổi bổ sung Luật thuế GTGT.

Nghị định 174/2025/NĐ-CP: Giảm thuế GTGT theo NQ 204. Hiệu lực: **01/7/2025 - 31/12/2026**.

Nghị định 359/2025/NĐ-CP (31/12/2025): Sửa đổi ND 181/2025.



4. Thuế Tiêu thụ đặc biệt



Luật số 66/2025/QH15 (14/6/2025): Hiệu lực từ **01/01/2026**.

Nghị định 360/2025/NĐ-CP (31/12/2025) & **Thông tư 158/2025/TT-BTC**: Quy định chi tiết thi hành từ 01/01/2026.

5. Xử phạt VPHC



Nghị định 02/2025/NĐ-CP: Xử phạt lĩnh vực phí, lệ phí. Hiệu lực **01/01/2026**.

Nghị định 310/2025/NĐ-CP: Sửa đổi ND 125 về xử phạt thuế/hóa đơn. Hiệu lực **16/01/2026**.

3. Thuế TNCN



Luật số 109/2025/QH15 (10/12/2025).

Phạm vi: Thu nhập từ kinh doanh, tiền lương, tiền công áp dụng từ **kỳ tính thuế 2026**.

7. Các quy định khác



NQ 109/2025/NĐ-CP: Thuế BVMT xăng dầu. Hiệu lực **01/01/2026**.

ND 292/2025/NĐ-CP: Kéo dài miễn thuế SĐĐ nông nghiệp. Hiệu lực **01/01/2026**.

ND 362/2025/NĐ-CP: Hướng dẫn Luật Phí & Lệ phí. Hiệu lực **01/01/2026**.

Thông tư 153-155/2025/TT-BTC: Quy định mức thu, chế độ thu nộp phí/lệ phí. Hiệu lực **01/01/2026**.



1. VBPL TRỌNG TÂM & NGUYÊN TẮC ÁP DỤNG

HỆ THỐNG VĂN BẢN PHÁP LUẬT

- Luật số 67/2025/QH15

Luật Thuế Thu nhập Doanh nghiệp (Mới)

- Nghị định 320/2025/NĐ-CP

Hướng dẫn thi hành Luật Thuế TNDN

- **Thông tư hướng dẫn (Dự thảo)**

Hướng dẫn thi hành văn bản Thuế TNDN

- Nghị định 70/2025/NĐ-CP

Về hóa đơn, chứng từ (Sửa đổi)

- Thông tư 200 & Thông tư 99

Chế độ kế toán & Hướng dẫn hạch toán (2025 - 2026)

*"Luật có hiệu lực thi hành từ **01/10/2025**."*

*Doanh nghiệp được quyền lựa chọn áp dụng quy định thuận lợi hơn từ **đầu kỳ tính thuế 2025** hoặc từ **01/10/2025**."*

**- Điều khoản thi hành
Luật số 67/2025/QH15**

1. VBPL TRỌNG TÂM & NGUYÊN TẮC ÁP DỤNG

(theo luật thuế 67/2025 áp dụng kì tính thuế 2025)

Thuế TNDN phải nộp = Thu nhập tính thuế × Thuế suất

Thu nhập tính thuế

Thu nhập chịu thuế

-

TN được miễn thuế

-

Các khoản Lỗ được kết chuyển theo quy định

Thu nhập chịu thuế

Doanh thu

-

Các khoản chi được trừ

+

Các khoản thu nhập khác (Kể cả thu nhập nhận được ở ngoài Việt Nam)

1. VBPL TRỌNG TÂM & NGUYÊN TẮC ÁP DỤNG

(theo TT96/2015)

Thuế TNDN phải nộp = (Thu nhập tính thuế - Phần trích lập quỹ KH&CN (nếu có)) × Thuế suất

Thu nhập tính thuế

Thu nhập chịu thuế

-

TN được miễn thuế

-

Các khoản Lỗ được kết chuyển theo quy định

Thu nhập chịu thuế

Doanh thu

-

Chi phí được trừ

+

Các khoản thu nhập khác

Doanh thu: là toàn bộ tiền bán hàng, tiền gia công, tiền cung ứng dịch vụ kể cả trợ giá, phụ thu, phụ trội mà doanh nghiệp được hưởng, không phân biệt đã thu được tiền hay chưa thu được tiền.

Thời điểm xác định doanh thu tính thuế TNDN áp dụng tới hiện tại (FY2025):

I. Bán hàng hóa: là thời điểm chuyển giao quyền sở hữu, quyền sử dụng cho người mua.

Với HH xuất khẩu, là thời điểm hoàn thành thủ tục hải quan.

II. Cung cấp dịch vụ: hoàn thành việc cung ứng DV hoặc thời điểm hoàn thành từng phần việc cung ứng dịch vụ cho người mua, trừ một số trường hợp đặc biệt.

Thời điểm xác định doanh thu tính thuế TNDN theo dự thảo thông tư thuế TNDN:

Riêng đối với hàng hóa xuất khẩu, để đảm bảo không bị thay đổi kỳ tính thuế, tại dự thảo Thông tư quy định về thời điểm xác định doanh thu tính thuế đối với hàng hóa xuất khẩu do bên bán tự xác định nhưng chậm nhất

không quá ngày làm việc tiếp theo ngày chuyển giao quyền sở hữu hàng hóa theo các điều khoản thương mại quốc tế (Incoterms). Ngoài ra, đối với hoạt động kinh doanh bảo hiểm và hoạt động xây lắp, lắp đặt, tại dự thảo Thông tư quy định tương tự như thời điểm xác định thuế GTGT quy định tại Nghị định số 181/2025/NĐ-CP.

Nội dung thể hiện tại Điều 6 dự thảo Thông tư.

2.1

DOANH THU TÍNH THUẾ



Sự khác biệt giữa thời điểm xác định doanh thu tính thuế TNDN và doanh thu kế toán khi xuất khẩu

Kế toán	Thuế TNDN	Thuế GTGT
Tùy theo điều kiện giao hàng (Incoterms 2020) Ví dụ: - FOB: Hàng đã được giao qua lan can tàu tại cảng xuất khẩu. - DDP: Hàng đã được giao đến địa điểm thỏa thuận tại nước nhập khẩu.	* Ngày xác định doanh thu xuất khẩu để tính thuế là ngày xác nhận hoàn tất thủ tục hải quan trên tờ khai hải quan. (Theo Khoản 7 Điều 3 TT119/2014/TT-BTC) * Thời điểm bàn giao + 1 ngày (chưa có hiệu lực áp dụng theo dự thảo thông tư thuế TNDN)	-Thời điểm hoàn thành thủ tục hải quan (Nghị định 123/2020/NĐ-CP) -Thời điểm thông quan + 1 ngày (Nghị định số 181/2025/NĐ-CP áp dụng từ 1/7/2025)



Sự khác biệt giữa thời điểm xác định doanh thu tính thuế TNDN và doanh thu kế toán khi xuất khẩu

Công văn 5476/BTC-CST của Bộ Tài chính



Căn cứ quy định nêu trên, từ ngày 01/9/2014 trường hợp doanh nghiệp xuất khẩu hàng hóa thì thời điểm ghi nhận doanh thu tính thuế đối với hoạt động xuất khẩu là ngày xác nhận hoàn thành thủ tục hải quan trên tờ khai hải quan, trong đó áp dụng cho cả mục đích tính thuế TNDN.

Công văn 1892/TCT-DNL của Tổng Cục thuế

Căn cứ các quy định nêu trên, thời điểm xác định doanh thu tính thuế TNDN đối với hoạt động bán hàng hóa là thời điểm chuyển giao quyền sở hữu, quyền sử dụng hàng hóa cho người mua. Trường hợp xuất khẩu hàng hóa, ngày xác định doanh thu xuất khẩu để tính thuế là ngày xác nhận hoàn tất thủ tục hải quan trên tờ khai hải quan. Tổng Công ty cổ phần đầu tư quốc tế Viettel ký hợp đồng để xuất khẩu hàng hóa ra nước ngoài thì ngày xác định doanh thu xuất khẩu để tính thuế là ngày xác nhận hoàn tất thủ tục hải quan trên tờ khai hải quan.

Công văn 1605/GSQL-QG1

"Ngày hoàn tất thủ tục hải quan trên tờ khai hải quan" quy định tại khoản 7 Điều 3 Thông tư số 119/2014/TT-BTC ngày 25/05/2014 sửa đổi khoản 4 Điều 6 Thông tư số 219/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013 của Bộ Tài chính được hiểu là ngày thông quan trên tờ khai hải quan.

Doanh nghiệp có DT phát sinh bằng ngoại tệ thì phải quy đổi sang VND :
Năm 2025: tỷ giá mua tại thời điểm phát sinh DT (theo TT200)
Năm 2026: tỷ giá trung bình mua bán tại ngân hàng thường xuyên giao dịch (theo TT 99/2025 từ 1/1/2026)





2.1

DOANH THU TÍNH THUẾ

Case Study 1

Ghi nhận doanh thu theo thời điểm thông quan hay bàn giao?

Ví dụ: Công ty Gonnepass nộp thuế theo phương pháp khấu trừ xuất khẩu lô hàng trị giá **10.000 USD** ra nước ngoài theo điều khoản **DDP**, ngày thông quan xuất khẩu là ngày **31/12/2024**, thời điểm chuyển giao rủi ro là ngày **1/1/2025**. Giả sử tỷ giá giao dịch thực tế tại các ngày này là **25.000** và **26.000 VNĐ/USD**. Tỷ giá trung bình mua bán 1/1/2025: **26.500 VNĐ/USD**. Giá vốn hàng bán là **200 triệu đồng**.

Tờ khai hàng hóa xuất khẩu (thông quan)

Số tờ khai 3000000000000 Số tờ khai đầu tiên - /
Số tờ khai tạm nhập tái xuất tương ứng
Mã phân loại kiểm tra 1 / Mã loại hình B11 9 Mã số thuế đại diện 9030
Tên cơ quan Hải quan tiếp nhận tờ khai Mã bỏ phần xử lý tờ khai 00
Ngày đăng ký 31/12/2024 13:12 Ngày thay đổi đăng ký / /
Thời hạn tái nhập/tái xuất / / -

Giấy phép xuất khẩu	Số hóa đơn B 3 31
1	Số tiếp nhận hóa đơn điện tử
2	Ngày phát hành 31/12/2024
3	Phương thức thanh toán KC
4	Trị giá hóa đơn DDP - USD - 25.000 -
5	Tỷ giá tính thuế 250.000.000
	Tổng trị giá tính thuế 250.000.000

Phân loại không cần quy đổi VND	Nguồn nộp thuế	Mã xác định thời hạn nộp thuế	Tổng loại nộp thuế
		Tổng số tiền lệ phí	VND

Mục thông báo của Hải quan

Tên trưởng đơn vị Hải quan	CCT Chi cục hải quan Bắc Thăng Long
Ngày hoàn thành kiểm tra	31/12/2024 13:12
Ngày cấp phép xuất nhập	31/12/2024
Thời hạn cho phép vận chuyển bảo thuế (khởi hành)	31/12/2024

Mục thông báo của Hải quan

CCT Chi cục hải quan Bắc Thăng Long

HÓA ĐƠN
GIÁ TRỊ GIA TĂNG

Mẫu số: 1

Ký hiệu: C24T

Số: 96

Mã QCT: 0045 E8B7D

Ngày 31 tháng 12 năm 2024

DELIVERY NOTE

O/N No.: 00013443
Date: 1/1/2025
Project:
Invoice no: MNBV-INV-221216-01
Shipment: DDP
Payment: KC
Price Terms: DDP
Ref. No.:

FROM : CÔNG TY TNHH MANABOX VIỆT NAM
(+84)43
....., Thành phố Hà Nội, Việt Nam

TO : MANABOX JAPAN
6F, Pross Nishi-Shinbashi Building,
2-4-3 Nishi-Shinbashi, Minato-ku, Tokyo Japan
Home page: <http://knowledgebox-japan.com>
Telephone: +81 368 691 601

(Currency: USD)

NO	SPECIFICATION	UNIT	Q-TY	UNIT PRICE	AMOUNT
1	Good A	Pcs	1	10,000	10,000

2.1

DOANH THU TÍNH THUẾ

Tiêu chí	Theo quyết toán thuế TNDN	Theo Báo cáo tài chính kế toán
Thời điểm ghi nhận hàng bán	31/12/2024	1/1/2025
Năm 2024 ghi nhận	- Doanh thu: $10.000 \times 25.000 = 250.000.000$ - Giá vốn ghi nhận: 200.000.000 - Lãi gộp: 50.000.000 (Kê khai chỉ tiêu B2, B10 – Tờ khai QTT)	0
Năm 2025 ghi nhận	0 (Kê khai chỉ tiêu B3, B9 – Tờ khai QTT)	Nếu áp dụng thông tư 200/2014/TT-BTC - Doanh thu: $10.000 \times 26.000 = 260.000.000$ - Giá vốn ghi nhận: 200.000.000 - Lãi gộp: 60.000.000 Nếu áp dụng thông tư 99/2025/TT-BTC - Doanh thu: $10.000 \times 26.500 = 265.000.000$ - Giá vốn ghi nhận: 200.000.000 - Lãi gộp: 65.000.000

Hỗ trợ kê khai thuế - Phiên bản 5.5.8

TỜ KHAI QUYẾT TOÁN THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (Mẫu số 03/TNDN)

[01] Kỳ tính thuế 2025 Từ ngày 01/01/2025 Đến ngày 31/12/2025

[02] Lần đầu: ☒ [03] Bổ sung lần thứ:

[04] Ngành nghề có tỷ lệ doanh thu cao nhất:

[05] Tỷ lệ (%):

[06] Tên người nộp thuế: CÔNG TY TNHH GONNAPASS

[07] Mã số thuế: 0108437638

[08] Tên đại lý thuế (nếu có):

[09] Mã số thuế:

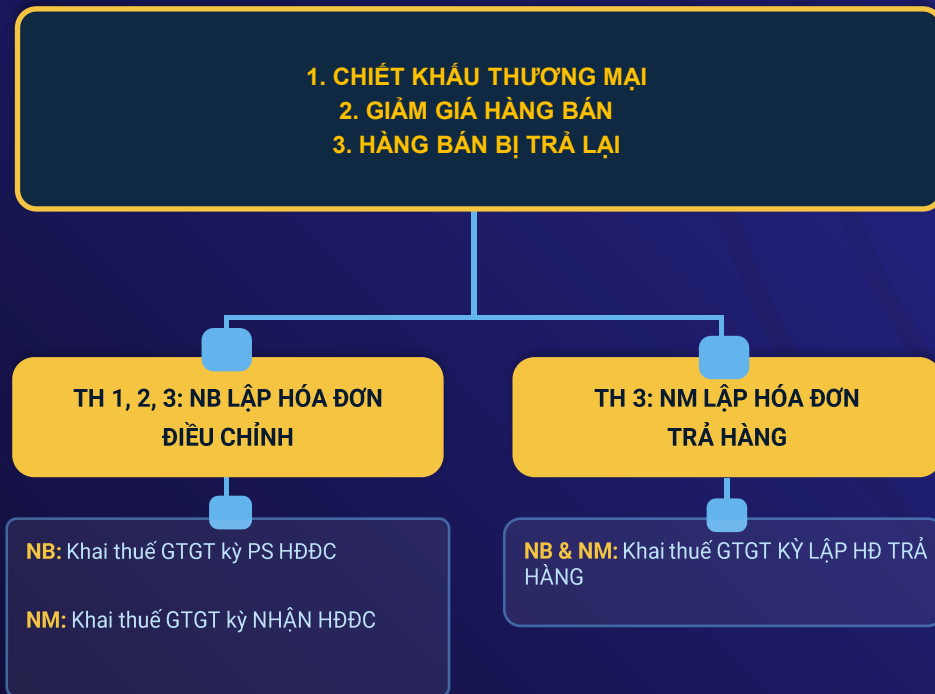
[10] Hợp đồng đại lý thuế: S6

ngày

STT	Chi tiêu	Mã chi tiêu	Số tiền
(1)	(2)	(3)	(4)
A	Kết quả kinh doanh ghi nhận theo báo cáo tài chính	A	
1	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế thu nhập doanh nghiệp	A1	100.000.000
B	Xác định thu nhập chịu thuế theo Luật thuế thu nhập doanh nghiệp	B	
1	Điều chỉnh tăng tổng lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp (B1 = B2+B3+B4+B5+B6+B7)	B1	0
1.1	Các khoản điều chỉnh tăng doanh thu	B2	0
1.2	Chi phí của phân doanh thu điều chỉnh giảm	B3	0
1.3	Các khoản chi không được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế	B4	0
1.4	Thuế thu nhập đã nộp cho phân thu nhập nhận được ở nước ngoài	B5	0
1.5	Điều chỉnh tăng lợi nhuận do xác định giá thị trường đối với giao dịch liên kết	B6	0
1.6	Các khoản điều chỉnh làm tăng lợi nhuận trước thuế khác	B7	0
2	Điều chỉnh giảm tổng lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp (B8=B9+B10+B11+B12)	B8	0
2.1	Giảm trừ các khoản doanh thu đã tính thuế năm trước	B9	0
2.2	Chi phí của phân doanh thu điều chỉnh tăng	B10	0
2.3	Chi phí lãi vay không được trừ kỳ trước được chuyển sang kỳ này của doanh nghiệp có giao dịch liên kết	B11	0
2.4	Các khoản điều chỉnh làm giảm lợi nhuận trước thuế khác	B12	0
3	Tổng thu nhập chịu thuế (B13=A1+B1-B8)	B13	100.000.000
3.1	Thu nhập chịu thuế từ hoạt động sản xuất kinh doanh	B14	0
3.2	Thu nhập chịu thuế từ hoạt động chuyển nhượng BĐS	B15	0
C	Thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) phải nộp từ hoạt động sản xuất kinh doanh		
1	Thu nhập chịu thuế (C1 = B14)	C1	0
2	Thu nhập miễn thuế	C2	0
			0
3	Chuyển lỗ và bù trừ lãi, lỗ (C3=C3a+C3b)	C3	0

2.2 Giảm trừ DT & HĐ điều chỉnh

CÁC TRƯỜNG HỢP ÁP DỤNG



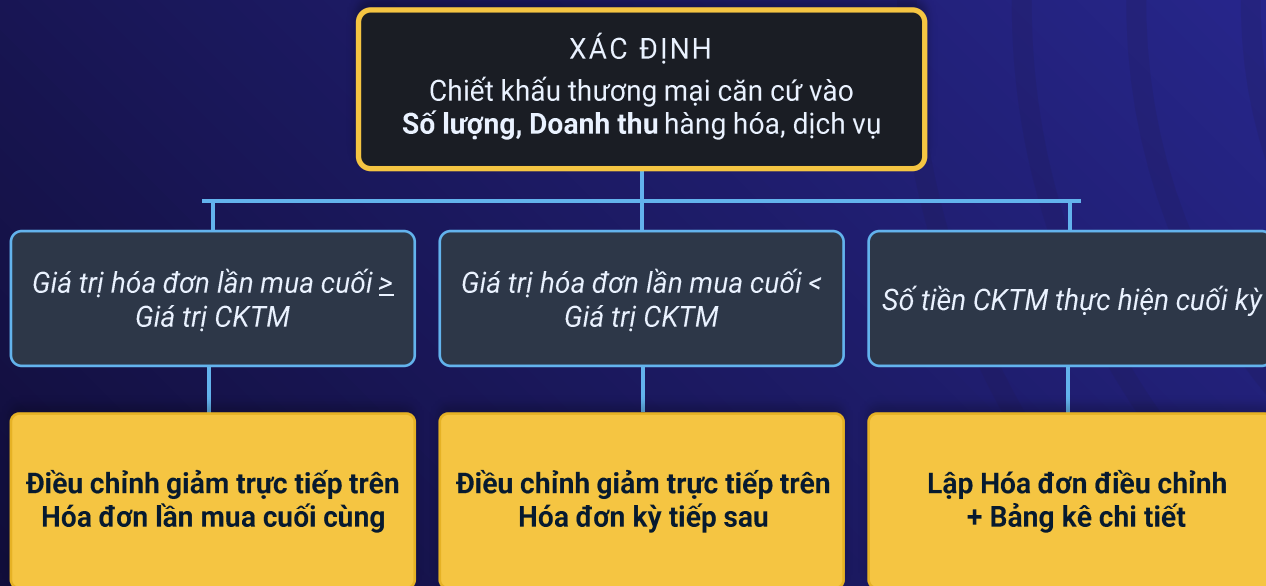
! LƯU Ý

Chứng từ: BB giao nhận, P XK, PNK. NB/NM phải có đủ hồ sơ chứng minh việc trả lại; Chứng từ xuất linh kiện BH - Đổi hàng bảo hành.

Trường hợp NB lập hóa đơn điều chỉnh cần có BB điều chỉnh hóa đơn.

2.2 Giảm trừ DT & HĐ điều chỉnh

CHIẾT KHẤU THƯƠNG MẠI (CKTM)



! LƯU Ý THEO NĐ 70/2025

Bảng kê: Phải lưu tại đơn vị và xuất trình khi thanh tra thuế.

Kê khai thuế: Bên bán và bên mua kê khai điều chỉnh DT, thuế đầu ra/vào tại kỳ lập HĐ điều chỉnh.

Thời điểm: Áp dụng từ 01/06/2025.

2.2 Giảm trừ DT & HĐ điều chỉnh

CHIẾT KHẤU THƯƠNG MẠI (CKTM)

1. Thông tin tình huống

Tổng doanh số năm 2025 (chưa VAT)	6.000.000.000
Tỷ lệ chiết khấu	5%
Số tiền chiết khấu	300.000.000
VAT (10%)	30.000.000
Tổng tiền điều chỉnh	330.000.000

 **Lưu ý:** Doanh số được tính cho cả năm tài chính, việc điều chỉnh thường diễn ra vào cuối năm hoặc đầu năm sau.

2. Xử lý hóa đơn theo quy định

TH1: Không vượt giá trị hóa đơn lần cuối hoặc kỳ tiếp sau.

-  Giá trị HĐ cuối: 500.000.000
-  Điều chỉnh giảm trực tiếp 300.000.000 trên hóa đơn lần mua cuối
-  *Kê khai điều chỉnh tại kỳ lập hóa đơn*

TH2: Vượt giá trị hóa đơn lần cuối hoặc kỳ tiếp sau

-  Giá trị HĐ cuối: 200.000.000
-  Lập hóa đơn điều chỉnh riêng + bảng kê các hóa đơn cần điều chỉnh
-  *Kê khai điều chỉnh tại kỳ lập hóa đơn*

2.2 Giảm trừ DT & HĐ điều chỉnh

CHIẾT KHẤU THƯƠNG MẠI (CKTM)

Tình huống:

- Năm 2025: Công ty bán hàng cho khách A, doanh thu đã ghi nhận trong năm 2025 là 1.000.000.000 đồng (chưa VAT), thuế suất GTGT 10%.
- Theo chính sách bán hàng, nếu đạt sản lượng năm 2025, khách được hưởng chiết khấu thương mại (CKTM) 5% trên tổng doanh thu.
- Đến ngày 01/01/2026, Công ty xác định khách đủ điều kiện và phát sinh hóa đơn chiết khấu thương mại cho toàn bộ doanh thu năm 2025.

Số CKTM:

- $CKTM = 1.000.000.000 \times 5\% = 50.000.000$ đồng
- Thuế GTGT (10%) = 5.000.000 đồng
- **Tổng tiền điều chỉnh giảm: 55.000.000 đồng**

2.2 Giảm trừ DT & HĐ điều chỉnh

CHIẾT KHẤU THƯƠNG MẠI (CKTM)

1. Ghi nhận kế toán:

Tùy trường hợp cụ thể, kế toán có thể ghi nhận điều chỉnh doanh thu của kỳ kế toán năm 2026 để đảm bảo tính khớp đúng với thời điểm phát hành hóa đơn và kê khai thuế.

Bên bán ghi nhận:

Tài khoản	Nợ	Có
Nợ TK 521 – CKTM	50.000.000	
Nợ TK 3331 – Thuế GTGT	5.000.000	
Có TK 131, 111, 112		55.000.000

Bên mua ghi nhận:

Tài khoản	Nợ	Có
Nợ TK 331, 111, 112	55.000.000	
Có TK 156 (tồn kho)/ 632 (đã bán)		50.000.000
Có TK 1331		5.000.000

2. Kê khai Thuế Giá trị gia tăng (VAT)

Căn cứ Điểm b, Khoản 4, Điều 19 Nghị định số 70/2025/NĐ-CP:

- Nguyên tắc kê khai: Bên bán và bên mua thực hiện kê khai điều chỉnh doanh thu mua, bán và thuế đầu ra, đầu vào tại kỳ lập hóa đơn điều chỉnh.
- Áp dụng thực tế: Do hóa đơn điều chỉnh được lập vào ngày 01/01/2026, doanh nghiệp thực hiện kê khai giảm thuế GTGT đầu ra (bên bán) và đầu vào (bên mua) trên tờ khai thuế GTGT của kỳ tính thuế tháng 01/2026 hoặc Quý 1/2026.
- Yêu cầu hóa đơn: Phải đính kèm bảng kê chi tiết các số hóa đơn năm 2025 cần điều chỉnh.

2.2 Giảm trừ DT & HĐ điều chỉnh

CHIẾT KHẤU THƯƠNG MẠI (CKTM)

3. kê khai Thuế Thu nhập doanh nghiệp (CIT)

Dựa trên nguyên tắc nhất quán giữa hóa đơn, doanh thu kế toán và kê khai thuế quy định tại Nghị định 70/2025/NĐ-CP:

- Thời điểm điều chỉnh: Doanh nghiệp thực hiện điều chỉnh giảm doanh thu tính thuế TNDN vào kỳ quyết toán thuế TNDN năm 2026 (năm phát sinh hóa đơn điều chỉnh).

Lưu ý:

Quy định mới tại Nghị định 70/2025/NĐ-CP đã làm rõ việc kê khai điều chỉnh doanh thu được thực hiện tại kỳ lập hóa đơn điều chỉnh, do đó không cần thực hiện kê khai bổ sung hay điều chỉnh lại tờ khai quyết toán thuế TNDN của năm 2025.

Quy định cũ

Thông tư 96/2015/TT-BTC

****Điều 6.**** Các khoản chi được trừ và không được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế

- a) Khoản chi thực tế phát sinh liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp.
- b) Khoản chi có đủ hoá đơn, chứng từ hợp pháp theo quy định của pháp luật.
- c) Khoản chi nếu có hoá đơn mua hàng hoá, dịch vụ từng lần có giá trị từ **20 triệu đồng trở lên** (giá đã bao gồm thuế GTGT) khi thanh toán phải có chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt.

Quy định mới

Căn cứ Nghị định 320/2025/NĐ-CP

****Điều 9.** Các khoản chi được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế******

- a) Khoản chi thực tế phát sinh liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp
- b) Khoản chi có đủ hóa đơn, chứng từ theo quy định của pháp luật
- c) Khoản chi có chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt đối với trường hợp mua hàng hóa, dịch vụ và **các khoản thanh toán khác** từng lần có giá trị từ **05 triệu đồng trở lên**. Chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt thực hiện theo quy định của các văn bản pháp luật về thuế giá trị gia tăng.

3.1

ĐIỀU KIỆN CHI PHÍ ĐƯỢC TRỪ

c1) Trường hợp mua hàng hóa, dịch vụ của một người bán có giá trị dưới 05 triệu đồng nhưng mua nhiều lần trong cùng một ngày có tổng giá trị từ 05 triệu đồng trở lên thì chỉ được tính vào chi phí được trừ trong trường hợp có chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt;

Tình huống: MUA NHIỀU LẦN TRONG NGÀY ≥ 5 TRIỆU



Ngày 15/03/2026, Công ty A mua văn phòng phẩm của Công ty B trong cùng một ngày:

- Lần 1: 2.000.000 đồng (tiền mặt)
- Lần 2: 1.800.000 đồng (tiền mặt)
- Lần 3: 1.500.000 đồng (tiền mặt)

📅 Tổng giá trị mua trong ngày: 5.300.000 đồng

⚠️ Kết luận

⇒ Phần chi phí **5.300.000 đồng** KHÔNG được tính vào chi phí được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế TNDN.

3.1

ĐIỀU KIỆN CHI PHÍ ĐƯỢC TRỪ

? Tình huống: Thanh toán hỗn hợp (TM +CK)

Ngày 25/03/2026, Công ty A mua dịch vụ sửa chữa của Công ty D trong cùng ngày:

Lần 1	2.500.000 đ (Tiền mặt)
Lần 2	3.000.000 đ (Chuyển khoản)
TỔNG CỘNG	5.500.000 đ

✖ Kết luận

⇒ Toàn bộ **2.500.000 đ KHÔNG** được tính vào chi phí được trừ.

Ví dụ: Trích công văn số 4131/CT-TTHT

Trường hợp Tổng Công ty theo trình bày ký hợp đồng mua hàng hóa và sử dụng dịch vụ của Công ty X trong cùng một ngày, có nhận 02 hóa đơn từ Công ty X, Tổng Công ty đã thanh toán cho hóa đơn trị giá 05 triệu đồng bằng tiền mặt và hóa đơn trị giá 25 triệu đồng bằng chuyển khoản thì khoản thanh toán bằng tiền mặt cho hóa đơn trị giá 05 triệu đồng không được kê khai khấu trừ thuế GTGT đầu vào và không được tính vào chi phí được trừ khi tính thuế TNDN.

i Giải thích:

Vì tổng giá trị mua hàng trong cùng một ngày từ cùng một người bán **≥ 5 triệu đồng**, điều kiện bắt buộc là phải có **chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt cho TOÀN BỘ giá trị** thanh toán.

Tương tự tham khảo công văn số 4131/CT-TTHT

3.1

ĐIỀU KIỆN CHI PHÍ ĐƯỢC TRỪ

c1) Trường hợp mua hàng hóa, dịch vụ của một người bán có giá trị dưới 05 triệu đồng nhưng mua nhiều lần trong cùng một ngày có tổng giá trị từ 05 triệu đồng trở lên thì chỉ được tính vào chi phí được trừ trong trường hợp có chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt;

Tính huống: Tiền lương $\geq$ 5 triệu thanh toán TM

Công ty Cổ phần Xây dựng A

Từ tháng 12/2025, công ty thực hiện chi trả lương **03 lần/tháng** đều bằng **tiền mặt** (có đầy đủ bảng lương, bảng chấm công, phiếu chi):

- ▶ Lần 1 (ngày 10): **4.990.000 đồng**
- ▶ Lần 2 (ngày 20): **4.990.000 đồng**
- ▶ Lần 3 (ngày 31): **11.000.000 đồng**



→ **Hỏi: Các khoản chi trả bằng tiền mặt nêu trên có được tính là chi phí được trừ khi tính thuế TNDN không?**

3.1

ĐIỀU KIỆN CHI PHÍ ĐƯỢC TRỪ

c1) Trường hợp mua hàng hóa, dịch vụ của một người bán có giá trị dưới 05 triệu đồng nhưng mua nhiều lần trong cùng một ngày có tổng giá trị từ 05 triệu đồng trở lên thì chỉ được tính vào chi phí được trừ trong trường hợp có chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt;

Trả lời của Thuế tỉnh Lào Cai:

■ Tình huống: Tiền lương >= 5 triệu thanh toán TM

Công ty Cổ phần Xây dựng A

Từ tháng 12/2025, công ty thực hiện chi trả lương 03 lần/tháng đều bằng tiền mặt (có đầy đủ bảng lương, bảng chấm công, phiếu chi):

- ▶ Lần 1 (ngày 10): 4.990.000 đồng
- ▶ Lần 2 (ngày 20): 4.990.000 đồng
- ▶ Lần 3 (ngày 31): 11.000.000 đồng

? → Hỏi: Các khoản chi trả bằng tiền mặt nêu trên có được tính là chi phí được trừ khi tính thuế TNDN không?

- Tại điểm a khoản 8 Điều 10 quy định về các khoản chi không được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế:

“Điều 10. Các khoản chi không được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế

... 8. Chi cho người lao động thuộc một trong các trường hợp sau:

a) Chi tiền lương, tiền công và các khoản phải trả khác cho người lao động doanh nghiệp đã hạch toán vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ nhưng thực tế không chi trả hoặc không có chứng từ thanh toán theo quy định của pháp luật;”

- Tại điểm b khoản 1 Điều 24 quy định về Hiệu lực thi hành:

“Điều 24. Hiệu lực thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày kỳ ban hành và áp dụng từ kỳ tính thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2025. Việc xác định thời gian áp dụng trong một số trường hợp cụ thể như sau:

... b) Quy định về chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt tại điểm c khoản 1 Điều 9 và quy định về chuyển nhượng vốn tại điểm i khoản 3 Điều 12 của Nghị định này áp dụng từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành.”

Căn cứ vào các quy định nêu trên, trường hợp doanh nghiệp có khoản chi thanh toán tiền lương, tiền công trả cho người lao động đáp ứng điều kiện quy định tại khoản 1 Điều 9 Nghị định số 320/2025/NĐ-CP và không thuộc các khoản chi không được trừ quy định tại khoản 8 Điều 10 Nghị định số 320/2025/NĐ-CP thì khoản chi thanh toán tiền lương, tiền công này được xác định là khoản chi được trừ khi tính thuế TNDN trong kỳ. Trong đó, đối với khoản chi thanh toán tiền lương, tiền công từng lần có giá trị từ 05 triệu đồng trở lên cho người lao động kể từ ngày Nghị định số 320/2025/NĐ-CP có hiệu lực thi hành (ngày 15/12/2025), để được tính vào chi phí được trừ thì doanh nghiệp phải có chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt theo quy định.

(Các khoản chi trả liên quan đến nội dung Công ty hỏi: Lần 1, lần 2, đơn vị chi trả số tiền 4.990.000đ bằng tiền mặt đủ điều kiện để tính vào khoản chi được trừ khi tính thuế TNDN; Đối với lần thứ 3, đơn vị chi trả số tiền 11.000.000 đồng bằng tiền mặt không đáp ứng đủ yêu cầu để tính vào khoản chi được trừ khi tính thuế TNDN)

Thuế tỉnh Lào Cai trả lời để Công ty cổ phần xây dựng Tô Uyên được biết, thực hiện./.

c2) Trường hợp doanh nghiệp phát sinh các khoản chi do doanh nghiệp ủy quyền/giao cho người lao động trực tiếp mua hàng hóa, dịch vụ để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp từ 05 triệu đồng trở lên mà các khoản chi phí này được thanh toán bởi người lao động bằng dịch vụ thanh toán không dùng tiền mặt thì tính vào chi phí được trừ nếu đáp ứng đủ các điều kiện sau: Có hóa đơn, chứng từ theo quy định của pháp luật về kế toán, hóa đơn, chứng từ và quy chế tài chính hoặc quy chế nội bộ hoặc quyết định của doanh nghiệp quy định việc ủy quyền hoặc cho phép người lao động được phép thanh toán khoản mua hàng hóa, dịch vụ để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp và khoản chi này sau đó được doanh nghiệp thanh toán lại cho người lao động;

HÌNH THỨC THANH TOÁN KHÔNG DÙNG TIỀN MẶT

✔ Trường hợp NLĐ được ủy quyền:

Khi bất khả kháng không kịp làm đề nghị thanh toán, NLĐ cần viết mail xin phê duyệt của Trưởng bộ phận và Giám đốc.

→ Công ty ủy quyền cho NLĐ thanh toán hộ, sau đó công ty chuyển khoản lại cho NLĐ.

📎 Đính kèm hồ sơ bắt buộc:

- Chứng từ chuyển khoản của NLĐ cho bên bán
- Form giấy ủy quyền / Email phê duyệt
- Hóa đơn mang tên công ty

KHÔNG CHẤP NHẬN

✖ Rủi ro không được trừ:

Thanh toán vào **tài khoản cá nhân** không phải tài khoản công ty bên bán (dù có ủy quyền).

Căn cứ pháp lý: Điểm c Điều 26 ND 181/2025:

“c) Trường hợp hàng hóa, dịch vụ mua vào được thanh toán ủy quyền qua bên thứ ba thanh toán không dùng tiền mặt [...] và bên thứ ba là một tổ chức hoặc thể nhân đang hoạt động theo quy định của pháp luật.”

3.1

ĐIỀU KIỆN CHI PHÍ ĐƯỢC TRỪ

KHÔNG CHẤP NHẬN

✗ Rủi ro không được trừ:

Thanh toán vào **tài khoản cá nhân** không phải tài khoản công ty bên bán (dù có ủy quyền).

Căn cứ pháp lý: Điểm c Điều 26 ND 181/2025:

“c) Trường hợp hàng hóa, dịch vụ mua vào được thanh toán ủy quyền qua bên thứ ba thanh toán không dùng tiền mặt [...] và bên thứ ba là một tổ chức hoặc thể nhân đang hoạt động theo quy định của pháp luật.”

04:59

Giao Dịch Thành Công

Số tiền chuyển khoản
VND 5,000,000

Ngày giao dịch
[REDACTED]

Người gửi
VND-TGTT-NGUYEN THI MONG DIEP
[REDACTED]

Người nhận
Mr MAC HONG QUAN
[REDACTED]

Nội dung giao dịch

CÔNG TY Số: /	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
------------------	---

Hà Nội, ngày tháng năm 2025

GIẤY ỦY QUYỀN

Căn cứ Nghị định 181/2025/NĐ-CP

Giám đốc Công ty ____ ủy quyền cho Cán bộ nhân viên công ty sử dụng tài khoản, thẻ tín dụng cá nhân để thanh toán chi phí mua hàng hóa, dịch vụ phục vụ hoạt động của công ty như sau:

NGƯỜI ỦY QUYỀN: CÔNG TY ____

- Mã số thuế:
- Địa chỉ:
- Đại diện pháp luật:
- Chức vụ:
- Số CCCD: ____ Ngày cấp ____ Nơi cấp

NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN: Cán bộ nhân viên văn phòng (có danh sách kèm theo)

- Họ và tên (Chủ tài khoản):
- Bộ phận:
- Số CCCD:
- Số tài khoản:
- Ngân hàng

Nội dung ủy quyền:

- Thanh toán các chi phí....., số tiền....., cho đối tác..... phục vụ hoạt động SXKD của công ty theo quy định.
- Người được ủy quyền chỉ thực hiện theo nội dung, phạm vi được ủy quyền, thực hiện nghiêm chỉnh các văn bản pháp luật hiện hành và chịu trách nhiệm trước người ủy quyền về việc làm của mình theo thỏa thuận thi công việc trên.
- Những Cán bộ nhân viên được ủy quyền hoàn toàn chịu trách nhiệm về sự ủy quyền này trước pháp luật.

c3) Trường hợp mua hàng hóa, dịch vụ từng lần có giá trị từ 05 triệu đồng trở lên mà đến thời điểm ghi nhận chi phí, doanh nghiệp chưa thanh toán thì doanh nghiệp được tính vào chi phí được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế. Trường hợp khi thanh toán doanh nghiệp không có chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt thì doanh nghiệp phải kê khai, điều chỉnh giảm chi phí đối với phần giá trị hàng hóa, dịch vụ không có chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt vào kỳ tính thuế phát sinh việc thanh toán bằng tiền mặt (kể cả trong trường hợp cơ quan thuế và các cơ quan chức năng đã có quyết định thanh tra, kiểm tra kỳ tính thuế có phát sinh khoản chi phí này).

Tình huống

Tháng 12/2025, Doanh nghiệp A mua hàng hóa trị giá **10 triệu đồng** (đã có hóa đơn) nhưng chưa thanh toán. DN đã tính vào chi phí được trừ năm 2025.

Sang năm 2026, DN thực hiện thanh toán khoản này bằng **tiền mặt**.

Giải pháp

Doanh nghiệp phải thực hiện **Kê khai, điều chỉnh giảm chi phí** đối với phần giá trị hàng hóa này vào kỳ tính thuế phát sinh việc thanh toán bằng tiền mặt.

👉 Ví dụ: Điều chỉnh giảm chi phí trên Tờ khai Quyết toán Thuế TNDN **năm 2026**.

Hồ sơ cần thiết

- ✅ Hóa đơn GTGT hợp lệ (đầu vào).
- ✅ Quyết định ủy quyền/giao nhiệm vụ cho cá nhân (nếu nhờ mua hộ).
- ✅ Quy chế tài chính/quy chế nội bộ quy định rõ việc thanh toán.
- ✅ Chứng từ thanh toán **không dùng tiền mặt** (Ủy nhiệm chi, Séc, Thẻ tín dụng...).
- ❌ Phiếu chi tiền mặt (Không được chấp nhận cho giao dịch ≥ 5 triệu).

c) Khoản chi có chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt đối với trường hợp mua hàng hóa, dịch vụ và ****các khoản thanh toán khác** từng lần có giá trị từ 05 triệu đồng trở lên**. Chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt thực hiện theo quy định của các văn bản pháp luật về thuế giá trị gia tăng.

Theo trả lời của Cục thuế:

2. Doanh nghiệp được tính vào chi phí được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế đối với khoản chi thực tế phát sinh khác đáp ứng đủ điều kiện tại điểm b và điểm c khoản 1 Điều này, bao gồm:

...

Trừ các khoản chi không được trừ quy định tại Điều 10, doanh nghiệp được tính vào chi phí được trừ đối với các khoản chi thực tế phát sinh liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp; có đầy đủ hóa đơn, chứng từ theo quy định và có chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt đối với trường hợp từng lần thanh toán có giá trị từ 05 triệu đồng trở lên theo quy định tại khoản

1 Điều 9 Nghị định 320/2025/NĐ-CP. “Các khoản thanh toán khác” tại điểm c khoản 1 Điều 9 Nghị định 320/2025/NĐ-CP được hiểu là khái niệm mang tính bao quát, áp dụng cho các khoản chi không mang bản chất mua hàng hóa, dịch vụ. Các khoản chi quy định tại khoản 2 Điều 9 thuộc phạm vi điều chỉnh của điểm c khoản 1 Điều 9 về điều kiện thanh toán không dùng tiền mặt khi giá trị thanh toán từ 05 triệu đồng trở lên.

Do đó: Có thể thấy toàn bộ chi phí phát sinh vượt 5 triệu đều cần thanh toán không dùng tiền mặt, bao gồm:

- Chi phí lương, thưởng, phúc lợi...
- Công tác phí

3.1

ĐIỀU KIỆN CHI PHÍ ĐƯỢC TRỪ

Hồ sơ ủy quyền thanh toán lương trên 5 triệu được trừ:

1. Hồ sơ ủy quyền nhận lương

Hợp đồng ủy quyền/Giấy ủy quyền:

- Phải lập theo quy định của PL dân sự
- Phải được công chứng/chứng thực tại CQNN có thẩm quyền

Nội dung văn bản ủy quyền cần nêu rõ:

- Nội dung ủy quyền nhận lương
- Thông tin nhân thân người ủy quyền và người được ủy quyền
- Thông tin tài khoản ngân hàng nhận thay

2. Chứng từ thanh toán

- Chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt (khoản chi từ 05 triệu đồng trở lên) chuyển vào TK của người được ủy quyền
- Trên chứng từ ủy nhiệm chi cần ghi rõ nội dung thanh toán lương cho NLĐ theo văn bản ủy quyền tương ứng

Căn cứ vào các quy định nêu trên, trường hợp doanh nghiệp có khoản chi thanh toán tiền lương, tiền công trả cho người lao động đáp ứng điều kiện quy định tại khoản 1 Điều 9 Nghị định số 320/2025/NĐ-CP và không thuộc các khoản

3

chi không được trừ quy định tại khoản 8 Điều 10 Nghị định số 320/2025/NĐ-CP thì khoản chi thanh toán tiền lương, tiền công này được xác định là khoản chi được trừ khi tính thuế TNDN trong kỳ. Trong đó, đối với khoản chi thanh toán tiền lương, tiền công từng lần có giá trị từ 05 triệu đồng trở lên cho người lao động kể từ ngày Nghị định số 320/2025/NĐ-CP có hiệu lực thi hành (ngày 15/12/2025), để được tính vào chi phí được trừ thì doanh nghiệp phải có chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt. Việc xác định chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt thực hiện theo quy định tại Điều 26 Nghị định 181/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thuế giá trị gia tăng.

Cục Quản lý, giám sát chính sách thuế, phí và lệ phí trả lời đề doanh nghiệp, cá nhân được biết.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lãnh đạo Bộ (để báo cáo);
- Các đơn vị: CT, Vụ PC;
- Lưu: VT, CST (TN).

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG



Công văn 218/CST-TN ngày 27/01/2026

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

VĂN BẢN ỦY QUYỀN

I. Người ủy quyền:

Họ và tên:, sinh ngày /..... /.....

Số điện thoại liên hệ:

Số căn cước công dân/số hộ chiếu: do..... cấp ngày/...../.....

Nơi cư trú:

II. Người được ủy quyền:

Họ và tên:, sinh ngày /..... /.....

Số căn cước công dân /hộ chiếu: do..... cấp ngày/...../.....

Nơi cư trú:

Số điện thoại:

III. Nội dung ủy quyền:

Tôi (Người ủy quyền) ủy quyền cho Ông/Bà (Người được ủy quyền) thay mặt tôi nhận tiền lương/tiền công do Công ty chi trả

Hình thức nhận lương: Công ty chuyển khoản vào tài khoản ngân hàng của Người được ủy quyền như sau:

- Chủ tài khoản:
- Số tài khoản:
- Ngân hàng/Chi nhánh:

IV: Thời hạn ủy quyền:

Chúng tôi cam kết chấp hành đúng nội dung ủy quyền theo quy định của pháp luật.

....., ngày ... tháng ... năm, ngày ... tháng ... năm ...

Người thực chữ ký
của người ủy quyền
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Người ủy quyền
(Ký, ghi rõ họ tên)

Người được ủy quyền
(Ký, ghi rõ họ tên)

iBank

PHIẾU BÁO NG
ADVISE OF DEBIT

Ngày giao dịch (Transaction date): 13
Mã giao dịch (Transaction ID): 0111T
Kính gửi (To): CT TNHH MANABOX VIỆT NAM
TPBank xin trân trọng thông báo: Ngã Tài khoản: 00659580001 của Quý khách được GHI NÓ sau:
Please note that we have DEBIT your Account 00659580001 on 1 with following entries:

Thông tin tài khoản ghi nợ (Debit account information)	Thông tin tài khoản ghi có (Credit account information)
Tên tài khoản (Account name): CT TNHH MANABOX VIỆT NAM	Tên tài khoản (Account name):
Số tài khoản (Account no): 00659580001	Số tài khoản (Account no):
Ngân hàng (With bank): Ngân hàng TMCP Tiên Phong	Ngân hàng (With bank):

Diễn thông tin tài khoản của người được ủy quyền

Nội dung giao dịch
Số tiền GHI NÓ (Debit amount): 9.266,400
Phí dịch vụ (Charge):
Thuật GTOF (FAT):
Tổng số tiền GHI NÓ (Total amount): 9.266,400
Loại tiền (Currency): VND
Ngày ghi nợ (Date): 1
Nội dung (Description): MNB VN Payment for

*Thanh toán lương tháng.../20... cho...(NLĐ)...
theo VB ủy quyền ngày .../.../20...

Phiếu báo nợ được in tự động từ hệ thống của Ngân hàng TMCP Tiên Phong. Không cần chú ý nếu không.



3.2

CHI PHÍ ĐƯỢC TRỪ

Chi phí lương của người lao động nước ngoài

Tiền đề dẫn tới việc phân nhóm NLD NNN:

Tại Điều 2, Điều 3 và Điều 7 Nghị định số 219/2025/NĐ-CP ngày 7/8/2025 của Chính phủ quy định về người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam:

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam (sau đây viết tắt là người lao động nước ngoài) là công dân nước ngoài vào làm việc tại các vị trí công việc quy định tại Điều 3 Nghị định này theo một trong các hình thức sau đây:

a) Thực hiện hợp đồng lao động;

b) Di chuyển trong nội bộ doanh nghiệp;

.....

h) Được điều chuyển từ cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp ở nước ngoài sang Việt Nam làm việc trừ trường hợp di chuyển trong nội bộ doanh nghiệp.

Chi phí lương của người lao động nước ngoài

Chi phí lương thưởng

Trích dẫn link đối thoại của thuế

8.2. Vấn đề 2

Câu hỏi:

Chi phí tiền lương chi trả cho người lao động nước ngoài thuộc các diện: "Di chuyển nội bộ" (không GPLĐ, không BHXH), Chuyên gia/Quản lý (có GPLĐ, có BHXH), và "Điều chuyển từ nước ngoài" có được ghi nhận là chi phí hợp lý khi tính thuế TNDN không?

Trả lời:

- Tại Điểm a khoản 2 Điều 2 Luật bảo hiểm xã hội số 41/2024/QH15 quy định:

"2. Người lao động là công dân nước ngoài làm việc tại Việt Nam thuộc đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc khi làm việc theo hợp đồng lao động xác định thời hạn có thời hạn từ đủ 12 tháng trở lên với người sử dụng lao động tại Việt Nam, trừ các trường hợp sau đây:

a) Di chuyển trong nội bộ doanh nghiệp theo quy định của pháp luật về người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam;".

- Tại Điều 2, Điều 3 và Điều 7 Nghị định số 219/2025/ND-CP ngày 7/8/2025 của Chính phủ quy định về người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam:

"Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam (sau đây viết tắt là người lao động nước ngoài) là công dân nước ngoài vào làm việc tại các vị trí công việc quy định tại Điều 3 Nghị định này theo một trong các hình thức sau đây:

a) Thực hiện hợp đồng lao động;

b) Di chuyển trong nội bộ doanh nghiệp;

....

h) Được điều chuyển từ cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp ở nước ngoài sang Việt Nam làm việc trừ trường hợp di chuyển trong nội bộ doanh nghiệp;

...

2. Người sử dụng người lao động nước ngoài bao gồm doanh nghiệp, cơ quan, tổ chức, nhà thầu, cơ quan đại diện ngoại giao nước ngoài tại Việt Nam; cá nhân được phép hoạt động kinh doanh theo quy định của pháp luật".

"Điều 3. Vị trí công việc của người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam

1. Nhà quản lý là người quản lý doanh nghiệp theo quy định tại khoản 24 Điều 4 Luật Doanh nghiệp hoặc là người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu của cơ quan, tổ chức theo quy định của pháp luật.

2. Giám đốc điều hành thuộc một trong các trường hợp sau đây:

a) Người đứng đầu chi nhánh, văn phòng đại diện hoặc địa điểm kinh doanh của doanh nghiệp;

b) Người đứng đầu và trực tiếp điều hành một lĩnh vực của cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp và có ít nhất 3 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực phù hợp với vị trí công việc mà người lao động nước ngoài dự kiến làm việc tại Việt Nam....".

"Điều 7. Người lao động nước ngoài không thuộc diện cấp giấy phép lao động

Chi phí lương của người lao động nước ngoài

Chi phí lương thưởng

"Điều 7. Người lao động nước ngoài không thuộc diện cấp giấy phép lao động

13. Người lao động nước ngoài là nhà quản lý, giám đốc điều hành, chuyên gia, lao động kỹ thuật thuộc một trong các trường hợp sau:

a) Vào Việt Nam làm việc có tổng thời gian dưới 90 ngày trong 01 năm, tính từ 01 tháng 01 đến ngày cuối cùng của năm;
b) Di chuyển trong nội bộ doanh nghiệp: Di chuyển có thời hạn trong nội bộ doanh nghiệp nước ngoài đã thành lập hiện diện thương mại trên lãnh thổ Việt Nam thuộc phạm vi 11 ngành dịch vụ theo biểu cam kết dịch vụ của Việt Nam với tổ chức thương mại thế giới và đã được doanh nghiệp nước ngoài tuyển dụng trước đó ít nhất 12 tháng liên tục. Hiện diện thương mại bao gồm tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài; văn phòng đại diện, chi nhánh của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam; văn phòng điều hành của nhà đầu tư nước ngoài trong hợp đồng hợp tác kinh doanh....".

- Tại khoản 1 Điều 9, khoản 1 và Điểm b khoản 8 Điều 10 Nghị định số 320/2025/NĐ – CP ngày 15/12/2025 quy định về chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp:

"Điều 9. Các khoản chi được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế

1. Trừ các khoản chi không được trừ quy định tại Điều 10 của Nghị định này doanh nghiệp được trừ các khoản chi khi xác định thu nhập chịu thuế nếu đáp ứng đủ điều kiện tại các điểm a, b và c sau đây:

a) Khoản chi thực tế phát sinh liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp, bao gồm cả khoản chi phí bổ sung được trừ theo tỷ lệ phần trăm tính trên chi phí thực tế phát sinh trong kỳ tính thuế liên quan đến hoạt động nghiên cứu và phát triển của doanh nghiệp;

....

b) Khoản chi có đủ hoá đơn, chứng từ theo quy định của pháp luật.

....

c) Khoản chi có chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt đối với trường hợp mua hàng hoá, dịch vụ và các khoản thanh toán khác từng lần có giá trị từ 05 triệu đồng trở lên. Chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt thực hiện theo quy định của các văn bản pháp luật về thuế giá trị gia tăng".

"Điều 10. Các khoản chi không được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế

Các khoản chi không được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 9 Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp, cụ thể như sau:

1. Các khoản chi không đáp ứng đủ các điều kiện quy định tại khoản 1 Điều 9 của Nghị định này.

8. Chi cho người lao động thuộc một trong các trường hợp sau:

a) Chi tiền lương, tiền công và các khoản phải trả khác cho người lao động doanh nghiệp đã hạch toán vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ nhưng thực tế không chi trả hoặc không có chứng từ thanh toán theo quy định của pháp luật;
b) Các khoản tiền lương, tiền công, tiền thưởng cho người lao động không được ghi cụ thể điều kiện được hưởng và mức được hưởng tại một trong các hồ sơ sau: Hợp đồng lao động hoặc văn bản của doanh nghiệp nước ngoài cử người sang làm việc tại Việt Nam (đối với trường hợp người nước ngoài được điều chuyển hoặc di chuyển trong nội bộ Tập đoàn, giữa công ty mẹ với công ty con); Thỏa ước lao động tập thể; Quy chế tài chính của Công ty Tổng công ty Tập đoàn; Quy chế thưởng do Chủ tịch Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, Giám đốc quy định theo quy chế tài chính của Công ty Tổng công ty Tập đoàn.

Căn cứ các quy định nêu trên, trường hợp người nước ngoài được điều chuyển hoặc di chuyển trong nội bộ giữa Tập đoàn, giữa công ty mẹ với công ty con mà có văn bản của doanh nghiệp nước ngoài cử người sang làm việc tại Việt Nam thì khoản chi cho người nước ngoài đáp ứng điều kiện khoản chi được trừ thì khoản này sẽ được tính vào chi phí xác định thu nhập chịu thuế.



CHI PHÍ ĐƯỢC TRỪ

Chi phí lương của người lao động nước ngoài



01

Hợp đồng lao động

Ký hợp đồng lao động giữa Công ty Việt Nam và người lao động



02

Di chuyển nội bộ (Phái cử)

Không ký HĐLĐ với bên Việt Nam. NLĐ vẫn là nhân viên công ty mẹ, được phái cử sang, không có quan hệ lao động trực tiếp với bên Việt Nam.

Chi phí lương của người lao động nước ngoài

Tiêu chí	PA1: Lương do doanh nghiệp Việt Nam chi trả	PA2: Lương do doanh nghiệp nước ngoài chi trả
Trà lương	Lương chi trả bởi bên Việt Nam	Lương do công ty mẹ chi trả ở nước ngoài, bên Việt Nam không trả lương
Lợi ích khác	Chi trả bởi bên Việt Nam, bao gồm một số lợi ích không bằng tiền: - Tiền nhà, tiền học phí cho con học tại Việt Nam - Vé máy bay, chi phí Golf...	(Không nêu cụ thể – thông thường do công ty mẹ chi trả)
Giấy phép lao động	Yêu cầu GPLĐ cho NLD theo hình thức có ký kết HĐLĐ <i>Thời hạn HĐLĐ không vượt quá thời hạn GPLĐ (tối đa 2 năm/lần)</i>	Yêu cầu GPLĐ theo dạng di chuyển nội bộ <i>Yêu cầu NLD đã làm ≥12 tháng tại bên nước ngoài</i>
Bảo hiểm xã hội	Phải tham gia BHXH, BHYT bắt buộc Công ty đóng: 20,5% NLD đóng: 9.5% (Tối đa 20 lần lương cơ sở)	Không tham gia BHXH, BHYT do thuộc diện nội bộ

Chi phí lương của người lao động nước ngoài

Tiêu chí	PA1: Lương do doanh nghiệp Việt Nam chi trả	PA2: Lương do doanh nghiệp nước ngoài chi trả
Thuế TNCN	Tổng nghĩa vụ thuế TNCN với cá nhân cư trú trong các trường hợp này là tương tự nhau. <i>Do cá nhân thực hiện kê khai và nộp thuế trên thu nhập toàn cầu.</i>	Tổng nghĩa vụ tương tự PA1. <i>Kê khai thu nhập toàn cầu.</i>
Thuế TNDN	Chi phí lương, bảo hiểm và các khoản lợi ích được trừ.	Không có chi phí lương. <i>Rủi ro một số chi phí lợi ích không được trừ.</i>
Thuế nhà thầu	Không áp dụng.	Rủi ro (Thấp) với các khoản lợi ích không bằng tiền do bên Việt Nam trả thay. <i>Đây là thu nhập của nhà thầu nước ngoài do cá nhân là người lao động của bên nước ngoài, không duy trì quan hệ lao động với bên Việt Nam.</i>

Chi phí lương của người lao động nước ngoài – Sự thay đổi trong quy định



Quy định cũ – ND 218/2013

Tại điểm m Khoản 2 Điều 9 quy định về các khoản chi không được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế TNDN như sau:

m) Tiền lương, tiền công của chủ doanh nghiệp tư nhân; chủ công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên (do một cá nhân làm chủ), thù lao trả cho thành viên sáng lập doanh nghiệp mà những người này không trực tiếp tham gia điều hành sản xuất, kinh doanh; tiền lương, tiền công, các khoản hạch toán chi khác để trả cho người lao động nhưng thực tế không chi trả hoặc không có hóa đơn, chứng từ theo quy định của pháp luật; **các khoản chi tiền thưởng, chi mua bảo hiểm nhân thọ cho người lao động không được ghi cụ thể điều kiện được hưởng và mức được hưởng tại một trong các hồ sơ: Hợp đồng lao động, Thỏa ước lao động tập thể, Quy chế tài chính của Công ty, Tổng công ty, Tập đoàn; Quy chế thưởng của Chủ tịch Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, Giám đốc quy định theo quy chế tài chính của Công ty, Tổng công ty;....**



Quy định mới – ND 320/2025

Điểm b khoản 8 điều 10 quy định về các khoản chi không được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế TNDN như sau:

b) Các khoản tiền lương, tiền công, tiền thưởng cho người lao động không được ghi cụ thể điều kiện được hưởng và mức được hưởng tại một trong các hồ sơ sau:

Hợp đồng lao động hoặc văn bản của doanh nghiệp nước ngoài cử người sang làm việc tại Việt Nam (đối với trường hợp người nước ngoài được điều chuyển hoặc di chuyển trong nội bộ Tập đoàn, giữa công ty mẹ với công ty con);

Thỏa ước lao động tập thể; Quy chế tài chính của Công ty, Tổng công ty, Tập đoàn; Quy chế thưởng do Chủ tịch Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, Giám đốc quy định theo quy chế tài chính của Công ty, Tổng công ty, Tập đoàn.

3.2

CHI PHÍ ĐƯỢC TRỪ

Chi phí lương của người lao động nước ngoài CASE STUDY 4

“ Ông **Sugeno** là nhân viên của công ty **Manabox Japan** được phái cử sang Manabox Việt Nam, không có quan hệ lao động trực tiếp và kí hợp đồng lao động với công ty Manabox Việt Nam.



WP: Di chuyển nội bộ



Không tham gia BHXH





CHI PHÍ ĐƯỢC TRỪ

Chi phí lương của người lao động nước ngoài

Chi phí lương thưởng



Chi phí này được trừ nếu có quy định tại **văn bản phái cử** hoặc **thư bổ nhiệm**

Căn cứ pháp lý: Khoản 1 Điều 9, khoản 1 và Điểm b khoản 8 Điều 10 Nghị định số 320/2025/NĐ – CP

b) Các khoản tiền lương, tiền công, tiền thưởng cho người lao động không được ghi cụ thể điều kiện và mức hưởng tại một trong các hồ sơ sau:

- *Hợp đồng lao động hoặc văn bản của doanh nghiệp nước ngoài cử người sang làm việc tại Việt Nam (đối với trường hợp di chuyển nội bộ).*
- *Thoả ước lao động tập thể.*
- *Quy chế tài chính của Công ty, Tổng công ty, Tập đoàn.*
- *Quy chế thưởng do Chủ tịch HĐQT, Tổng giám đốc, Giám đốc quy định theo quy chế tài chính.*

Chi phí lương của người lao động nước ngoài

Chi phí lương thưởng

Công văn trước đây không được trừ đối với chi phí lương chỉ có thu bổ nhiệm

Ngoài ra, chúng tôi cũng đề nghị sửa đổi các quy định về thuế thu nhập doanh nghiệp để công nhận thu bổ nhiệm là một tài liệu hợp pháp để chứng minh chi phí được khấu trừ.

Nội dung trả lời:

- Tại điểm m Khoản 2 Điều 9 Nghị định số 218/2013/NĐ-CP ngày 26/12/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật thuế TNDN quy định về các khoản chi không được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế TNDN như sau:

“m) Tiền lương, tiền công của chủ doanh nghiệp tư nhân; chủ công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên (do một cá nhân làm chủ), thù lao trả cho thành viên sáng lập doanh nghiệp mà những người này không trực tiếp tham gia điều hành sản xuất, kinh doanh; tiền lương, tiền công, các khoản hạch toán chi khác để trả cho người lao động nhưng thực tế không chi trả hoặc không có hóa đơn, chứng từ theo quy định của pháp luật; các khoản chi tiền thưởng, chi mua bảo hiểm nhân thọ cho người lao động không được ghi cụ thể điều kiện được hưởng và mức được hưởng tại một trong các hồ sơ sau: Hợp đồng lao động; Thỏa ước lao động tập thể; Quy chế tài chính của Công ty, Tổng công ty, Tập đoàn; Quy chế thưởng do Chủ tịch Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, Giám đốc quy định theo quy chế tài chính của Công ty, Tổng công ty. Chi tiền lương, tiền công và các khoản phụ cấp phải trả cho người lao động nhưng hết thời hạn nộp hồ sơ quyết toán thuế năm thực tế chưa chi trừ trường hợp doanh nghiệp có trích lập quỹ dự phòng để bổ sung vào quỹ tiền lương của năm sau liền kề nhằm bảo đảm việc trả lương không bị gián đoạn và không được sử dụng vào mục đích khác. Mức dự phòng hàng năm do doanh nghiệp quyết định nhưng không quá 17% quỹ tiền lương thực hiện (là tổng số tiền lương thực tế đã chi trả của năm quyết toán đó đến thời hạn cuối cùng nộp hồ sơ quyết toán theo quy định, không bao gồm số tiền trích lập quỹ dự phòng tiền lương của năm trước chi trong năm quyết toán thuế). Trường hợp năm trước doanh nghiệp có trích lập quỹ dự phòng tiền lương mà sau 6 tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính doanh nghiệp chưa sử dụng hoặc sử dụng không hết quỹ dự phòng tiền lương thì doanh nghiệp phải ghi giảm chi phí của năm sau;”

Căn cứ các quy định của pháp luật về thuế TNDN, kiến nghị về việc sửa đổi các quy định về thuế TNDN bổ sung thu bổ nhiệm là một tài liệu chứng minh để tính vào chi phí tiền lương tiền công của doanh nghiệp là chưa phù hợp.

3.2

CHI PHÍ ĐƯỢC TRỪ

Chi phí lương của người lao động nước ngoài

Các khoản lợi ích được trả thay

Chi phí tiền nhà



Chi phí tiền nhà và các khoản đi đính kèm (Điện nước, Internet...) có thể được trừ căn cứ theo sự đồng ý của bên Việt Nam và bên nước ngoài (Công ty mẹ).



Căn cứ pháp lý: Nghị định số 320/2025/NĐ – CP

b3) Trường hợp doanh nghiệp Việt Nam ký hợp đồng với doanh nghiệp nước ngoài trong đó nêu rõ doanh nghiệp Việt Nam phải chịu các chi phí về chỗ ở cho các chuyên gia nước ngoài trong thời gian công tác ở Việt Nam thì tiền thuê nhà cho các chuyên gia nước ngoài làm việc tại Việt Nam do doanh nghiệp Việt Nam chi trả được tính vào chi phí trừ khi xác định thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp.

Chi phí lương của người lao động nước ngoài

Các khoản lợi ích được trả thay

Chi phí tiền nhà

Phù hợp với tiền lệ tại công văn số 366/CT-TTHT

2

Căn cứ quy định trên, trường hợp Công ty thuê nhà cho các chuyên gia nước ngoài sang công tác, giữ chức vụ quản lý, hưởng lương tại Việt Nam theo hợp đồng lao động ký với Công ty hoặc do có văn bản bổ nhiệm của cấp có thẩm quyền thì Công ty không được khấu trừ thuế GTGT của khoản tiền thuê nhà cho các chuyên gia nước ngoài này. Trường hợp Công ty thuê nhà cho chuyên gia nước ngoài nhưng chuyên gia này vẫn là nhân viên của doanh nghiệp ở nước ngoài chịu sự điều động của doanh nghiệp ở nước ngoài, được doanh nghiệp ở nước ngoài trả lương trong thời gian sang Việt Nam công tác, giữa doanh nghiệp ở nước ngoài và cơ sở kinh doanh tại Việt Nam có hợp đồng bằng văn bản nêu rõ doanh nghiệp tại Việt Nam phải chịu các chi phí về chỗ ở và các khoản chi phúc lợi khác cho các chuyên gia nước ngoài trong thời gian công tác ở Việt Nam, có đầy đủ hóa đơn, chứng từ và đáp ứng được các điều kiện về khấu trừ thuế GTGT thì phần thuế GTGT đầu vào của tiền thuê nhà được kê khai, khấu trừ theo quy định.

2/ Khấu trừ thuế GTGT đối với các khoản chi phí tiện ích sinh hoạt cho chuyên gia

Theo nội dung công văn hỏi, trường hợp Công ty có khoản chi cho tiện ích sinh hoạt như tiền điện, tiền nước gắn liền với việc thuê nhà phục vụ trực tiếp cho nhân viên, chuyên gia của Công ty thì thuế GTGT đầu vào khấu trừ xử lý tương tự như trường hợp tiền thuê nhà nêu trên.

Cục Thuế tỉnh Bắc Ninh hướng dẫn để Công ty biết và thực hiện. Trong quá trình thực hiện nếu có điều gì vướng mắc, đề nghị Công ty liên hệ với Cục Thuế tỉnh Bắc Ninh (phòng Tuyên truyền và Hỗ trợ người nộp thuế - ĐT: 02413822347) để được hướng dẫn và giải đáp.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lãnh đạo Cục;
- Phòng KTRi, THDT;
- Trang Web Cục Thuế BN;
- Lưu: VT, TTHT.

**KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG**

Ngô Xuân Tông

Chi phí lương của người lao động nước ngoài

Các khoản lợi ích được trả thay



Chi phí tiền học cho con người nước ngoài

Quy định pháp lý tại Nghị định 320/2025/NĐ-CP

b1) Trường hợp doanh nghiệp ký hợp đồng lao động với người nước ngoài trong đó có ghi khoản chi về tiền học cho con của người nước ngoài học tại Việt Nam theo bậc học từ mầm non đến trung học phổ thông được doanh nghiệp trả có tính chất tiền lương, tiền công và có đầy đủ hóa đơn, chứng từ theo quy định thì được tính vào chi phí được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp;



Chi phí thuế TNCN trả thay

Quy định về các khoản chi phí không được trừ

Chi phí không được trừ bao gồm 12. ... thuế thu nhập cá nhân, trừ trường hợp doanh nghiệp ký hợp đồng lao động quy định tiền lương, tiền công trả cho người lao động không bao gồm thuế thu nhập cá nhân...

Chi phí lương của người lao động nước ngoài

Các khoản lợi ích được trả thay

1 số công văn hướng dẫn dẫn bối cảnh trước đây có sử dụng thu phái cử/bổ nhiệm làm cơ sở tính chi phí

Thuế TNCN trả thay

Căn cứ quy định trên và nội dung trình bày của Công ty, trường hợp Công ty nộp thay cá nhân người nước ngoài số tiền thuế TNCN phải nộp đối với thu nhập toàn cầu thì Công ty được trừ khoản chi phí này khi xác định thu nhập chịu thuế TNDN nếu đáp ứng quy định tại Điều 4 Thông tư 96/2015/TT-BTC nêu trên và thỏa thuận trong hợp đồng phái cử nhân viên từ Nhật Bản sang Việt Nam làm việc giữa công ty con và công ty mẹ tại Nhật Bản có điều khoản về việc Công ty chịu trách nhiệm thanh toán tiền thuế TNCN mà người lao động phải nộp.

Trong quá trình thực hiện nếu còn vướng mắc, đề nghị Công ty liên hệ với Phòng Thanh tra – Kiểm tra thuế số 2 để được hướng dẫn cụ thể.

Cục Thuế TP Hà Nội trả lời đề Công ty TNHH xây dựng Kanto Việt Nam được biết và thực hiện.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Phòng: DTTC; TKT2;
- Lưu: VT, TTHT(2). (6/3)



Nguyễn Tiến Trường

Lợi ích khác trả thay (tiền nhà)

Căn cứ quy định nêu trên và trình bày, trường hợp Công ty có nhân viên được phái cử từ công ty ở Nhật Bản đến làm việc tại Công ty, trong Quyết định phái cử có thể hiện sự thỏa thuận giữa người lao động và người sử dụng lao động là Công ty về quyền và nghĩa vụ của mỗi bên trong quan hệ lao động trong thời gian công tác ở Việt Nam, có đầy đủ các nội dung như thỏa thuận hợp đồng lao động giữa công ty tại Việt Nam và nhân viên được cử sang theo quy định thì khoản chi trả tiền lương, các khoản chi trả khác có tính chất tiền lương, tiền công này do công ty tại Việt Nam chi trả được tính vào chi phí được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế TNDN nếu đáp ứng điều kiện khoản chi được trừ quy định tại Điều 4 Thông tư số 96/2015/TT-BTC ngày 22/06/2015 của Bộ Tài chính nêu trên.

Cục Thuế TP thông báo Công ty biết để thực hiện theo đúng quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật đã được trích dẫn tại văn bản này.

Nơi nhận:

- Như trên;
 - P TTKT số 7;
 - P.NVDTPC;
 - Lưu VT;TTHT.
- 1955-14882802/19ndk



Chi phí lương của người lao động nước ngoài

Các khoản lợi ích được trả thay



Khuyến nghị Manabox: Cân nhắc 1 trong 2 phương án

Phương án 1 – Giảm rủi ro:

Loại chi phí tiền học cho con người nước ngoài, tiền thuế TNCN trả thay khỏi chi phí được trừ

Phương án 2 – Chấp nhận rủi ro và giải trình:

Vấn ứng xử chấp nhận toàn bộ các chi phí tính vào chi phí được trừ theo hồ sơ (Thư phái cử/bổ nhiệm thể hiện rõ các khoản lương, thưởng và lợi ích của người nước ngoài; Thỏa thuận chi phí với bên nước ngoài nêu rõ bên Việt Nam chịu chi phí thuê nhà và các khoản đi kèm)

Chi phí bảo hiểm nhân thọ của người lao động

Nội dung	Quy định cũ	Quy định mới
Mức khống chế chi phí được trừ	Tối đa 03 triệu đồng/tháng/người	Tối đa 05 triệu đồng/tháng/người
Căn cứ	Nghị định 218/2013/NĐ-CP (sửa đổi bởi Nghị định 12/2015/NĐ-CP) – Điểm o khoản 2 Điều 9	Nghị định 320/2025/NĐ-CP – Điểm đ khoản 4 Điều 10

Quy định cũ

Điều 6, Thông tư 96/2015/TT-BTC

2. Các khoản chi không được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế bao gồm:

- 2.1. Khoản chi không đáp ứng đủ các điều kiện quy định tại Khoản 1 Điều này.

Trường hợp doanh nghiệp có chi phí liên quan đến phần giá trị tổn thất do thiên tai, dịch bệnh, hỏa hoạn và trường hợp bất khả kháng khác không được bồi thường thì khoản chi này được tính vào chi phí được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế, cụ thể như sau:

Doanh nghiệp phải tự xác định rõ tổng giá trị tổn thất do thiên tai, dịch bệnh, hỏa hoạn và trường hợp bất khả kháng khác theo quy định của pháp luật.

Quy định mới

Điều 9, Nghị định 320/2025/NĐ-CP

2. Doanh nghiệp được tính vào chi phí được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế đối với khoản chi thực tế phát sinh khác đáp ứng đủ điều kiện tại điểm b và điểm c khoản 1 Điều này, bao gồm:

i7) Chi phí *hủy hàng tồn kho hư hỏng* do thay đổi quá trình *sinh hóa tự nhiên, hàng lạc hậu mất, lạc hậu kỹ thuật, lỗi thời, hàng hết hạn sử dụng*, **hàng không còn giá trị sử dụng, hàng không đủ điều kiện lưu thông trên thị trường do quy định của các luật chuyên ngành; chi phí hủy nguyên liệu, vật tư, linh kiện không còn nhu cầu sử dụng**. Chi phí hủy hàng tại điểm này bao gồm giá trị hàng hủy theo giá vốn của hàng hóa, nguyên liệu, vật tư, linh kiện (trừ phần trích lập dự phòng theo quy định (nếu có)) và chi phí liên quan đến hoạt động hủy hàng;

i8) **Chi phí hủy tài sản do hư hỏng không còn nhu cầu sử dụng**. Chi phí hủy tài sản tại điểm này bao gồm giá trị còn lại trên sổ sách tại doanh nghiệp và chi phí liên quan đến hoạt động hủy tài sản;

BẢNG SO SÁNH CHI PHÍ HỦY HÀNG TỒN KHO KHI TÍNH THUẾ TNDN

TIÊU CHÍ	ĐƯỢC TRỪ	KHÔNG ĐƯỢC TRỪ
1. Nguyên nhân hủy hàng	- Hư hỏng do thay đổi quá trình sinh hóa tự nhiên - Hết hạn sử dụng - Lạc hậu kỹ thuật, lỗi thời - Không đủ điều kiện lưu thông theo luật chuyên ngành - Không còn nhu cầu sử dụng thực tế	- Hàng vẫn còn giá trị sử dụng - Vẫn đủ điều kiện lưu thông - Chỉ bán chậm, tồn kho lâu - Quyết định hủy mang tính chủ quan kinh doanh
2. Hồ sơ pháp lý	- Có quyết định hủy hàng - Có biên bản kiểm kê - Có hội đồng hủy (nếu cần) - Có biên bản tiêu hủy - Có chứng từ chi phí hợp lệ	- Không có quyết định hủy - Không có biên bản kiểm kê/xác định nguyên nhân - Không có biên bản tiêu hủy - Hồ sơ thiếu tính pháp lý hoặc không chứng minh được việc hủy
3. Tuân thủ luật chuyên ngành	- Thực hiện đúng quy định về môi trường, an toàn thực phẩm, dược phẩm, kỹ thuật... (nếu thuộc diện quản lý chuyên ngành)	- Không thực hiện theo quy định chuyên ngành - Không có chứng từ chứng minh việc xử lý đúng quy định
4. Giá trị chi phí được tính	- Giá vốn hàng hủy (-) Phần dự phòng đã trích (nếu có) (+) Chi phí trực tiếp liên quan đến việc tiêu hủy	- Ghi nhận toàn bộ giá vốn dù đã trích dự phòng - Hạch toán chi phí không có chứng từ hợp pháp
5. Hệ quả thuế	Được tính vào chi phí được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế TNDN	Bị loại khỏi chi phí được trừ → Tăng thu nhập chịu thuế → Truy thu thuế + tiền chậm nộp + xử phạt (nếu có)

CASE STUDY 5: Xử lý chi phí hủy hàng tồn kho tại Công ty ABC

XÁC ĐỊNH CHI PHÍ ĐƯỢC TRỪ

ĐIỀU KIỆN HỒ SƠ PHÁP LÝ

- ✓ Quyết định hủy + Biên bản kiểm kê + Biên bản xác định nguyên nhân + Hội đồng hủy
- ✓ Có chứng từ chi phí tiêu hủy hợp pháp
- ✓ Tuân thủ quy định pháp luật chuyên ngành (nếu có)



HÀNG HỦY

CTY TNHH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN KIỂM TRA HÀNG TỒN KHO HẾT HẠN SỬ DỤNG, HƯ HỎNG

Ngày 01 Tháng 03 Năm 20

Hôm nay, tại kho hàng QUẢNG NGÃI của Công ty TNHH ET NAM- CN QUẢNG NGÃI, chúng tôi gồm:

1 NGUYỄN

Chức vụ: Quản lý kho

2 BUI

Chức vụ: Kế toán

Cùng nhau kiểm kê số lượng hàng hoá quá hạn sử dụng không bán được đề nghị huỷ hàng theo bảng kê dưới đây:

STT	SKUS	Tên hàng hoá	ĐVT	QTY	Ngày hết hạn sử dụng	Ghi chú
1	VN-FM-PEC-020-001	Nước giải khát Sà Xị Mirinda – Thùng 12 chai x 1.5L	Thùng	3	2/20/2	HẾT DATE

CÔNG TY TNHH ET NAM - CHI NHÁNH QUẢNG NGÃI

Trương Quang Trọng, Thành phố Quảng Ngãi, Tỉnh Quảng Ngãi, Việt Nam

Mẫu số: 02 - VT

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

PHIẾU XUẤT KHO

Ngày 29 tháng 12 năm 20

Nợ: 6324

Số: PX 004

Có: 1561B10

- Họ và tên người nhận hàng: Vận Hành Kho Quảng Ngãi
- Địa chỉ (bộ phận):
- Lý do xuất kho: Xuất huỷ hàng hết date kho Quảng Ngãi theo email SOUTH - OPS // Team HCM & MT thông báo hàng hư hỏng, cận date tính đến ngày 03.12.2022
- Xuất tại kho (ngân lô): Kho Hàng Hóa Quảng Ngãi

Địa điểm:

STT	Tên, nhãn hiệu, quy cách, phẩm chất vật tư, dụng cụ sản phẩm, hàng hóa	Mã số	Đơn vị tính	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Yêu cầu	Thực xuất		
A	B	C	D	1	2	3	4

- Về thuế TNDN: hàng hóa bị hư hỏng do thay đổi quá trình sinh hóa tự nhiên, hàng hóa hết hạn sử dụng, **không được bồi thường** thì được tính vào chi phí được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế TNDN theo quy định tại tiết b điểm 2.1 khoản 2 Điều 4 Thông tư số 96/2015/TT-BTC.



CTY TNHH QUẢNG NGÃI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐỀ NGHỊ HỦY HÀNG TỒN KHO HÀNG TỒN KHO

Kính gửi: GIÁM ĐỐC CÔNG TY TNHH ET NAM- CN QUẢNG NGÃI

Tôi tên là: NGUYỄN M

Chức vụ: Quản lý kho

Căn cứ biên bản kiểm tra hàng tồn kho tại kho QUẢNG NGÃI lập ngày 01 tháng 03 năm 20

Tôi kính đề nghị Giám đốc Công ty cho tiêu hủy số hàng theo bảng kê dưới đây

Lý do hủy: Hàng hết hạn sử dụng, hư hỏng không bán được

STT	SKU	Tên hàng hoá	ĐVT	QTY	Ngày hết hạn sử dụng	Ý kiến phòng vận hành	Ý kiến phòng kế toán
1	VN-FM-PEC-020-001	Nước giải khát Sà Xị Mirinda – Thùng 12 chai x 1.5L	Thùng	3	2/20/20	Đồng ý	Đồng ý

a.
BỐI
CẢNH



CASE STUDY 5: Xử lý chi phí hủy hàng tồn kho tại Công ty ABC

Công ty TNHH ABC hoạt động trong lĩnh vực phân phối thực phẩm chức năng và thiết bị điện tử. Tại thời điểm 31/12/2025, Công ty tiến hành kiểm kê kho và phát sinh các trường hợp sau:

1. **Lô thực phẩm chức năng** đã hết hạn sử dụng theo quy định của Luật An toàn thực phẩm.
2. **Lô thiết bị điện tử đời cũ** không còn được phép lưu thông do không đáp ứng quy chuẩn kỹ thuật mới theo quy định chuyên ngành.
3. Một số **nguyên vật liệu bao bì cũ** không còn nhu cầu sử dụng do Công ty thay đổi mẫu mã sản phẩm.

Hội đồng kiểm kê xác định các hàng hóa này không còn giá trị sử dụng và lập biên bản đề xuất tiêu hủy.

Nội dung	Giá vốn (VNĐ)	Dự phòng đã trích (VNĐ)	Chi phí tiêu hủy (VNĐ)
Thực phẩm hết hạn	300.000.000	50.000.000	20.000.000
Thiết bị lỗi thời	200.000.000	0	15.000.000
Bao bì không sử dụng	100.000.000	0	5.000.000



CASE STUDY 5: Xử lý chi phí hủy hàng tồn kho tại Công ty ABC

➤ Theo Nghị định 320/2025/NĐ-CP (điểm i7):

Chi phí hủy hàng tồn kho được tính vào chi phí được trừ bao gồm:

- Giá trị hàng hủy theo giá vốn, trừ phần dự phòng đã trích (nếu có);
- Chi phí liên quan trực tiếp đến hoạt động hủy hàng

Chỉ tiêu	1. Thực phẩm hết hạn	2. Thiết bị lỗi thời	3. Bao bì không còn nhu cầu sử dụng
Giá vốn được tính	$300.000.000 - 50.000.000 = 250.000.000$	200.000.000	100.000.000
Cộng chi phí hủy	20.000.000	15.000.000	5.000.000
Tổng chi phí được trừ	270.000.000	215.000.000	105.000.000

TỔNG CHI PHÍ ĐƯỢC TRỪ
 $270\text{tr} + 215\text{tr} + 105\text{tr} = 590.000.000 \text{ VNĐ}$

C.
XÁC
ĐỊNH
CHI PHÍ
ĐƯỢC
TRỪ



CASE 6: CHI PHÍ KHẤU HAO:

Chi phí khấu hao tài sản cho thuê trong thời gian chưa có khách thuê

Quy định cũ

Thông tư 96/2015/TT-BTC

2/ Xác định chi phí khấu hao đối với máy móc thiết bị là TSCĐ cho thuê

Căn cứ Khoản 1, Khoản 2, Điều 6, Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18/6/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Nghị định số 218/2013/NĐ-CP ngày 26/12/2013 của Chính phủ quy định và hướng dẫn thi hành Luật thuế TNDN:

"Điều 6. Các khoản chi được trừ và không được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế

1. Trừ các khoản chi không được trừ nêu tại Khoản 2 Điều này, doanh nghiệp được trừ mọi khoản chi nếu đáp ứng đủ các điều kiện sau:

a) Khoản chi thực tế phát sinh liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp;

...

2. Các khoản chi không được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế bao gồm:

2.2. Chi khấu hao tài sản cố định thuộc một trong các trường hợp sau:

a) Chi khấu hao đối với tài sản cố định không sử dụng cho hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ."

Căn cứ quy định trên đây chỉ những TSCĐ đang cho thuê, tạo ra doanh thu thì mới thực hiện trích khấu hao để xác định chi phí. TSCĐ đã mua, đã thuê hiện còn trong kho, chưa cho thuê thì không trích khấu hao, không tính chi phí khi xác định thu nhập chịu thuế trong kỳ.

Quy định mới

Điều 9 Nghị định 320/2025/NĐ-CP

i4) Chi phí khấu hao hoặc phân bổ dần vào chi phí theo quy định đối với tài sản cho thuê trong thời gian chưa có khách thuê.

Trường hợp doanh nghiệp có tài sản cho thuê nhưng chưa có khách thuê, nếu tài sản thuộc quyền sở hữu hoặc quyền sử dụng hợp pháp của doanh nghiệp thì doanh nghiệp được tính vào chi phí được trừ đối với khoản chi phí liên quan đến tài sản này trong thời gian chưa có khách thuê;

CASE 6: CHI PHÍ KHẤU HAO:

Chi phí thuê đất, duy trì cơ sở hạ tầng: Trả tiền thuê đất, quản lý, duy trì cơ sở hạ tầng, chi phí khấu hao TSCĐ trong thời gian chưa đưa vào SXKD.

Quy định cũ

Thông tư 96/2015/TT-BTC

Theo công văn số 287/CT-TTHT

Căn cứ quy định trên, trường hợp Công ty có thuê hạ tầng khu công nghiệp VSIP Bắc Ninh, diện tích thuê 8.590 m². Đến nay, Công ty đã sử dụng một phần diện tích thuê để xây dựng nhà xưởng và đã đưa vào hoạt động sản xuất kinh doanh, thì giá trị phần diện tích đất (hạ tầng) thuê đã xây dựng nhà xưởng phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, được tính phân bổ theo số năm thuê để tính vào chi phí được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế TNDN. Đối với phần giá trị diện tích đất thuê chưa sử dụng, chưa phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty thì không được tính vào chi phí được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế.

Quy định mới

Điều 9 Nghị định 320/2025/NĐ-CP

i3) Chi phí tiền thuê đất và chi phí quản lý, duy trì cơ sở hạ tầng trả cho các doanh nghiệp kinh doanh cơ sở hạ tầng trong các khu kinh tế, khu công nghệ cao, khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, khu công nghệ số tập trung, khu công nghiệp, cụm công nghiệp, chi phí tiền thuê đất trả cho Nhà nước đối với đất thuê của Nhà nước trong đó đất và cơ sở hạ tầng này phải là địa điểm, trụ sở sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp trong trường hợp chưa tham gia vào hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp;



Quy định cũ (Thông tư 96/2015/TT-BTC)

- Đối tượng: Chi phí lãi vay của đối tượng không phải tổ chức tín dụng hoặc **tổ chức kinh tế**
- *Mức trần: Không chế tối đa 150% lãi suất cơ bản do NHNN Việt Nam công bố*

Quy định mới (Nghị định 320/2025/NĐ-CP)

- Sửa đối tượng không chế chi phí lãi vay: Chi phí lãi vay của đối tượng không phải tổ chức tín dụng
- Sửa trần không chế: Chuyển sang không chế không quá mức quy định của Bộ Luật dân sự (Điều 468 Bộ Luật dân sự: Tối đa 20%/năm)



3.5

+ CHI PHÍ LÃI VAY

?

CASE STUDY :

Công ty Manabox vay tiền của ông Sugeno số tiền 100 triệu đồng trong 2 năm từ 1/1/2024 đến 31/12/2025 với lãi suất là 15%/1 năm. Biết rằng lãi suất cơ bản do NHNN việt nam công bố năm 2024, 2025 là 9%.

Năm tài chính từ 1/1 - 31/12

Chỉ tiêu	Năm 2024	Năm 2025
Số tiền vay	100 triệu đồng	100 triệu đồng
Lãi suất thực tế	15%	15%
Tổng chi phí lãi vay	$100 \text{ triệu} \times 15\% = 15 \text{ triệu đồng}$	15 triệu đồng
Mức lãi suất tối đa được trừ	$150\% \times 9\% = 13,5\%$	Tối đa 20%
Chi phí lãi vay được trừ	$100 \text{ triệu} \times 13,5\% = 13,5 \text{ triệu đồng}$	15 triệu đồng (được trừ toàn bộ do không vượt 20%)
Phần chi phí không được trừ	1,5 triệu đồng	0



 **manabox**
Where there is a will, there is a way

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG Ký hiệu: 1C23TMB
Ngày 14 tháng 09 năm 2023 Số: 00 ;
Mã QGT:0063!

CÔNG TY TNHH MANABOX VIỆT NAM
Mã số thuế: 0106785090
Địa chỉ: Phòng 701, tầng 7, tòa nhà 3D center, số 3 Duy Tân, Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
Điện thoại: 02432123450
Website: <https://manaboxvietnam.com>
Email: accountant@manaboxvn.jp
Số tài khoản: 245100 - Ngân hàng MUFG - Chi nhánh Hà Nội - SWIFT: BOTKVN5

Họ tên người mua hàng:
Tên đơn vị:
Mã số thuế:
Địa chỉ:
Hình thức thanh toán: TM/CK Số tài khoản:
Đồng tiền thanh toán: VND

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	Bánh trung thu	hộp	22,00	390.000	8.580.000
Cộng tiền hàng:					8.580.000
Thuế suất GTGT:		8 %	Tiền thuế GTGT:		686.400
Tổng tiền thanh toán:					9.266.400
Số tiền viết bằng chữ: Chín triệu hai trăm sáu mươi sáu nghìn bốn trăm đồng chẵn.					



Chi phí thuế giá trị gia tăng đầu ra của quà tặng có được trừ khi xác định thu nhập tính thuế TNDN không?





Hướng dẫn lập hóa đơn quà tặng:

Thời gian	Từ 1/6/2025	Trước 1/6/2025
Cơ sở pháp lý	Nghị định 70/2025/NĐ-CP	Nghị định 123/2020/NĐ-CP
Trích dẫn	<i>Trường hợp khuyến mại hàng hóa, dịch vụ theo quy định của pháp luật về thương mại; cho, biếu, tặng hàng hóa, dịch vụ phù hợp với quy định pháp luật thì được lập hóa đơn tổng giá trị khuyến mại, cho, biếu, tặng kèm theo danh sách khuyến mại, cho, biếu, tặng. Tổ chức lưu giữ hồ sơ có liên quan về chương trình khuyến mại, cho, biếu, tặng và cung cấp khi cơ quan có thẩm quyền yêu cầu và phải chịu trách nhiệm về tính chính xác nội dung thông tin giao dịch và cung cấp bảng tổng hợp chi tiết hàng hóa, dịch vụ khi cơ quan có thẩm quyền yêu cầu. Trường hợp khách hàng yêu cầu lấy hóa đơn theo từng giao dịch thì người bán phải lập hóa đơn giao cho khách hàng. Hóa đơn phải ghi rõ “kèm theo bảng kê số..., ngày... tháng... năm”. Bảng kê phải có tên, mã số thuế và địa chỉ của người bán, tên hàng hóa, dịch vụ, số lượng, đơn giá, thành tiền hàng hóa, dịch vụ bán ra, ngày lập, tên và chữ ký người lập bảng kê. Trường hợp người bán nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ thì Bảng kê phải có tiêu thức “thuế suất thuế giá trị gia tăng” và “tiền thuế giá trị gia tăng”. Tổng cộng tiền thanh toán đúng với số tiền ghi trên hóa đơn giá trị gia tăng. Hàng hóa, dịch vụ bán ra ghi trên Bảng kê theo thứ tự bán hàng trong ngày. Bảng kê phải ghi rõ “kèm theo hóa đơn số...ngày... tháng... năm”.</i>	Không có quy định này
Thực hiện	Có thể vận dụng (1) Lập hóa đơn với thông tin người mua hàng mang thông tin chính công ty mình (Trả lời mới đây của Tổng Cục thuế) (2) Kèm danh sách công ty, khách hàng được nhận quà tặng...	Nguyên tắc phải lập riêng cho từng người nhận

Người nộp thuế: Thu Duong

Địa chỉ: TP Hồ Chí Minh

Khi xuất hóa đơn quà biếu tặng nhân viên vào dịp tiệc tất niên công ty thì tiêu thức tên và MST người mua hàng trên hóa đơn **ghi thông tin công ty** kèm theo danh sách công nhân viên hay ghi thông tin cá nhân người được tặng?

Trả lời:

Căn cứ Điểm a Khoản 7 Điều 1 Nghị định 70/2025/NĐ-CP quy định: 7. Sửa đổi, bổ sung khoản 5, điểm a khoản 6, khoản 9, điểm c khoản 14 Điều 10 và bổ sung điểm l vào khoản 14, bổ sung khoản 17 vào Điều 10 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung khoản 5 như sau:

“5. Tên, địa chỉ, mã số thuế hoặc mã số đơn vị có quan hệ với ngân sách hoặc số định danh cá nhân của người mua

a) Trường hợp người mua là cơ sở kinh doanh có mã số thuế thì tên, địa chỉ, mã số thuế của người mua thể hiện trên hóa đơn phải ghi theo đúng tại giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh, giấy chứng nhận đăng ký thuế, thông báo mã số thuế, giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã; trường hợp người mua là đơn vị có quan hệ ngân sách thì tên, địa chỉ, mã số đơn vị có quan hệ ngân sách thể hiện trên hóa đơn phải ghi mã số đơn vị có quan hệ với ngân sách được cấp.

Trường hợp tên, địa chỉ người mua quá dài, trên hóa đơn người bán được viết ngắn gọn một số danh từ thông dụng như: “Phương” thành “P”; “Quận” thành “Q”; “Thành phố” thành “TP”, “Việt Nam” thành “VN” hoặc “Cố phần” là “CP”, “Trách nhiệm hữu hạn” thành “TNHH”, “khu công nghiệp” thành “KCN”, “sản xuất” thành “SX”, “Chi nhánh” thành “CN”... nhưng phải đảm bảo đầy đủ số nhà, tên đường phố, phường, xã, quận, huyện, thành phố, xác định được chính xác tên, địa chỉ doanh nghiệp và phù hợp với đăng ký kinh doanh, đăng ký thuế của doanh nghiệp.

b) Trường hợp người mua không có mã số thuế thì trên hóa đơn không phải thể hiện mã số thuế người mua. Một số trường hợp bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ đặc thù cho người tiêu dùng là cá nhân quy định tại Khoản 14 Điều này thì trên hóa đơn không phải thể hiện tên, địa chỉ người mua. Trường hợp bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ cho khách hàng nước ngoài đến Việt Nam thì thông tin về địa chỉ người mua có thể được thay bằng thông tin về số hộ chiếu hoặc giấy tờ xuất nhập cảnh và quốc tịch của khách hàng nước ngoài. Trường hợp người mua cung cấp mã số thuế, số định danh cá nhân thì trên hóa đơn phải thể hiện mã số thuế, số định danh cá nhân.”

b) Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 6 như sau:

“a) Tên, đơn vị tính, số lượng, đơn giá hàng hóa, dịch vụ

a.3) Số lượng hàng hóa, dịch vụ: Người bán ghi số lượng bằng chữ số Ả-rập căn cứ theo đơn vị tính nêu trên. Trường hợp cung cấp các loại hàng hóa, dịch vụ đặc thù như điện, nước, dịch vụ viễn thông, dịch vụ công nghệ thông tin, dịch vụ truyền hình, dịch vụ bưu chính và chuyển phát, ngân hàng, chứng khoán, bảo hiểm, được lập theo kỳ quy ước, dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh và các trường hợp khác theo hướng dẫn của Bộ trưởng Bộ Tài chính được lập hóa đơn sau khi đối soát dữ liệu thì người bán được sử dụng bảng kê kèm theo hóa đơn; bảng kê được lưu giữ cùng hóa đơn để phục vụ việc kiểm tra, đối chiếu của các cơ quan có thẩm quyền.

Trường hợp khuyến mại hàng hóa, dịch vụ theo quy định của pháp luật về thương mại; cho, biếu, tặng hàng hóa, dịch vụ phù hợp với quy định pháp luật thì được lập hóa đơn tổng giá trị khuyến mại, cho, biếu, tặng kèm theo danh sách khuyến mại, cho, biếu, tặng. Tổ chức lưu giữ hồ sơ có liên quan về chương trình khuyến mại, cho, biếu, tặng và cung cấp khi cơ quan có thẩm quyền yêu cầu và phải chịu trách nhiệm về tính chính xác nội dung thông tin giao dịch và cung cấp bảng tổng hợp chi tiết hàng hóa, dịch vụ khi cơ quan có thẩm quyền yêu cầu. Trường hợp khách hàng yêu cầu lấy hóa đơn theo từng giao dịch thì người bán phải lập hóa đơn giao cho khách hàng.

Hóa đơn phải ghi rõ “kèm theo bảng kê số..., ngày... tháng... năm”. Bảng kê phải có tên, mã số thuế và địa chỉ của người bán, tên hàng hóa, dịch vụ, số lượng, đơn giá, thành tiền hàng hóa, dịch vụ bán ra, ngày lập, tên và chữ ký người lập bảng kê. Trường hợp người bán nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ thì Bảng kê phải có tiêu thức “thuế suất thuế giá trị gia tăng” và “tiền thuế giá trị gia tăng”. Tổng cộng tiền thanh toán đúng với số tiền ghi trên hóa đơn giá trị gia tăng. Hàng hóa, dịch vụ bán ra ghi trên Bảng kê theo thứ tự bán hàng trong ngày. Bảng kê phải ghi rõ “kèm theo hóa đơn số...ngày... tháng... năm”.

ở Căn cứ quy định trên, trường hợp quà biếu tặng nhân viên vào dịp tiệc tất niên công ty thì tiêu thức tên và MST người mua hàng trên hóa đơn **ghi thông tin công ty** kèm theo danh sách công nhân viên

Trước năm 2025: Chi phí không được trừ

Trước năm 2025: Theo tinh thần của các hướng dẫn, chi phí thuế GTGT đầu ra của quà tặng thì không được trừ khi xác định thu nhập tính thuế TNDN. Điểm này, thực tiễn áp dụng thì tùy đoàn kiểm tra, biên bản trích dưới đây có loại trừ chi phí này

- Về thuế TNDN: Xác định lại doanh thu chịu thuế TNDN do xác định lại doanh thu chịu thuế GTGT tương ứng. Giảm chi phí đối với số tiền thuế GTGT đầu ra của hàng cho biếu, tặng không đúng theo qui định tại điểm m khoản 2 Điều 9 Luật số 14/2008/QH12 ngày 03/6/2008 của Quốc hội về Luật thuế Thu nhập doanh nghiệp và khoản 2.37 Điều 4 Thông tư 96/2015/TT-BTC ngày 22/6/2015.

Căn cứ pháp lý:

1. Điểm 2.m, Điều 9, Chương II, Luật thuế TNDN số 14/2008/QH12 quy định các khoản chi không được trừ khi xác định thuế thu nhập chịu thuế TNDN bao gồm: “Thuế GTGT đầu vào đã khấu trừ, thuế GTGT nộp theo phương pháp khấu trừ...”
2. Công văn số 1585/TCT-CS năm 2022: Pháp luật về thuế TNDN không có quy định tính vào chi phí được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp đối với khoản tiền thuế GTGT không được tiền trên hóa đơn tài trợ bằng hiện vật
3. Công văn số 3937/TCT-DNL: Căn cứ quy định trên, nếu công ty nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ thì khoản thuế GTGT đầu ra phải nộp của hàng hóa cho, biếu, tặng khách hàng liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh không được tính vào chi phí hợp lệ để tính thu nhập chịu thuế TNDN

Sau năm 2025: Chi phí được trừ

Căn cứ Khoản 12 điều 10 nghị định 320/2025:

Thuế giá trị gia tăng đầu vào đã được khấu trừ hoặc hoàn thuế; thuế giá trị gia tăng nộp theo phương pháp khấu trừ; thuế giá trị gia tăng đầu vào của tài sản cố định là ô tô từ 9 chỗ ngồi trở xuống vượt mức quy định được khấu trừ theo quy định tại các văn bản pháp luật về thuế giá trị gia tăng; thuế thu nhập doanh nghiệp, trừ trường hợp doanh nghiệp nộp thay thuế thu nhập doanh nghiệp của doanh nghiệp nước ngoài mà theo thoả thuận tại hợp đồng với doanh nghiệp nước ngoài, doanh thu của doanh nghiệp nước ngoài nhận được không bao gồm thuế thu nhập doanh nghiệp; thuế thu nhập cá nhân, trừ trường hợp doanh nghiệp ký hợp đồng lao động quy định tiền lương, tiền công trả cho người lao động không bao gồm thuế thu nhập cá nhân; tiền chậm nộp theo quy định pháp luật về quản lý thuế.

Phần thuế giá trị gia tăng nộp theo phương pháp khấu trừ quy định tại điểm này không bao gồm phần thuế giá trị gia tăng đầu ra của hàng tiêu dùng, hàng tặng không thu tiền theo quy định của pháp luật về thuế giá trị gia tăng phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp; phần thuế giá trị gia tăng phải nộp phát sinh của hàng hóa, dịch vụ sử dụng để tài trợ theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 9 của Nghị định này; phần thuế giá trị gia tăng của hàng hóa, dịch vụ đầu vào có liên quan trực tiếp đến sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp chưa được khấu trừ hết nhưng không thuộc trường hợp hoàn thuế. Số thuế giá trị gia tăng đầu vào khi đã được tính vào chi phí được trừ thì không được khấu trừ với số thuế giá trị gia tăng đầu ra.



VAT đầu vào không được hoàn và không khấu trừ hết có được ghi nhận chi phí được trừ hay không?



● Quy định cũ (Thông tư 96/2015/TT-BTC)

Không nói rõ về việc xử lý đối với VAT đầu vào không được hoàn và không khấu trừ hết

● Quy định mới (Nghị định 320/2025/NĐ-CP)

Từ năm 2025 số thuế GTGT đầu vào chưa được khấu trừ hết nhưng không được hoàn thuế thì vẫn được tiếp tục chuyển để khấu trừ vào thuế GTGT đầu ra các kỳ tiếp theo hoặc doanh nghiệp quyết định tính vào chi phí được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế TNDN của năm tài chính.



Theo quy định tại điểm 12 Điều 10 của Nghị Định 320/2025/NĐ-CP

Thuế giá trị gia tăng đầu vào đã được khấu trừ hoặc hoàn thuế; thuế giá trị gia tăng nộp theo phương pháp khấu trừ; thuế giá trị gia tăng đầu vào của tài sản cố định là ô tô từ 9 chỗ ngồi trở xuống vượt mức quy định được khấu trừ theo quy định tại các văn bản pháp luật về thuế giá trị gia tăng; thuế thu nhập doanh nghiệp, trừ trường hợp doanh nghiệp nộp thay thuế thu nhập doanh nghiệp của doanh nghiệp nước ngoài mà theo thỏa thuận tại hợp đồng với doanh nghiệp nước ngoài, doanh thu của doanh nghiệp nước ngoài nhận được không bao gồm thuế thu nhập doanh nghiệp; thuế thu nhập cá nhân, trừ trường hợp doanh nghiệp ký hợp đồng lao động quy định tiền lương, tiền công trả cho người lao động không bao gồm thuế thu nhập cá nhân; tiền chậm nộp theo quy định pháp luật về quản lý thuế.

*Phần thuế giá trị gia tăng nộp theo phương pháp khấu trừ quy định tại điểm này không bao gồm phần thuế giá trị gia tăng đầu ra của hàng bán, hàng tặng không thu tiền theo quy định của pháp luật về thuế giá trị gia tăng phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp; phần thuế giá trị gia tăng phải nộp phát sinh của hàng hóa, dịch vụ sử dụng để tài trợ theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 9 của Nghị định này; **phần thuế giá trị gia tăng của hàng hóa, dịch vụ đầu vào có liên quan trực tiếp đến sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp chưa được khấu trừ hết nhưng không thuộc trường hợp hoàn thuế.** Số thuế giá trị gia tăng đầu vào khi đã được tính vào chi phí được trừ thì không được khấu trừ với số thuế giá trị gia tăng đầu ra.*

4. Lỗ kết chuyển

Phát sinh lỗ

Doanh nghiệp có lỗ trong kỳ tính thuế

Chuyển lỗ sang năm sau

Số lỗ được trừ vào thu nhập chịu thuế của các năm tiếp theo

Thời gian chuyển lỗ

Tối đa 5 năm liên tục kể từ năm tiếp theo năm phát sinh lỗ



Bảng ví dụ chuyển lỗ

	Năm 1	Năm 2	Năm 3	Năm 4
Lãi/Lỗ BĐS	-10	-5	-3	8
Lãi/Lỗ SXKD ưu đãi thuế	-50	-100	-50	300
Lãi/Lỗ chế biến khoáng sản			12	

- Lỗ của hoạt động bất động sản (hoạt động chuyển nhượng bất động sản, chuyển nhượng dự án và quyền tham gia dự án đầu tư) được bù trừ với lãi của HĐ SXKD, **trừ những hoạt động đang được hưởng ưu đãi thuế**

- Thu nhập từ hoạt động chuyển nhượng dự án đầu tư thăm dò, khai thác, chế biến khoáng sản, phải xác định riêng để kê khai và nộp thuế và không được phép bù trừ lỗ với các hoạt động sản xuất, kinh doanh khác.

4. Lỗ kết chuyển

CHUYỂN LỖ BĐS: SO SÁNH QUY ĐỊNH CŨ VS MỚI

Quy định cũ (Trước 2025)

Điều 2, Thông tư 96/2015/TT-BTC

Doanh nghiệp trong kỳ tính thuế có các hoạt động chuyển nhượng bất động sản, chuyển nhượng dự án đầu tư, chuyển nhượng quyền tham gia thực hiện dự án đầu tư (trừ dự án thăm dò, khai thác khoáng sản) nếu bị lỗ thì số lỗ này được bù trừ với lãi của hoạt động sản xuất kinh doanh (bao gồm cả thu nhập khác quy định tại Điều 7 Thông tư số 78/2014/TT-BTC), sau khi bù trừ vẫn còn lỗ thì tiếp tục được chuyển sang các năm tiếp theo trong thời hạn chuyển lỗ theo quy định.

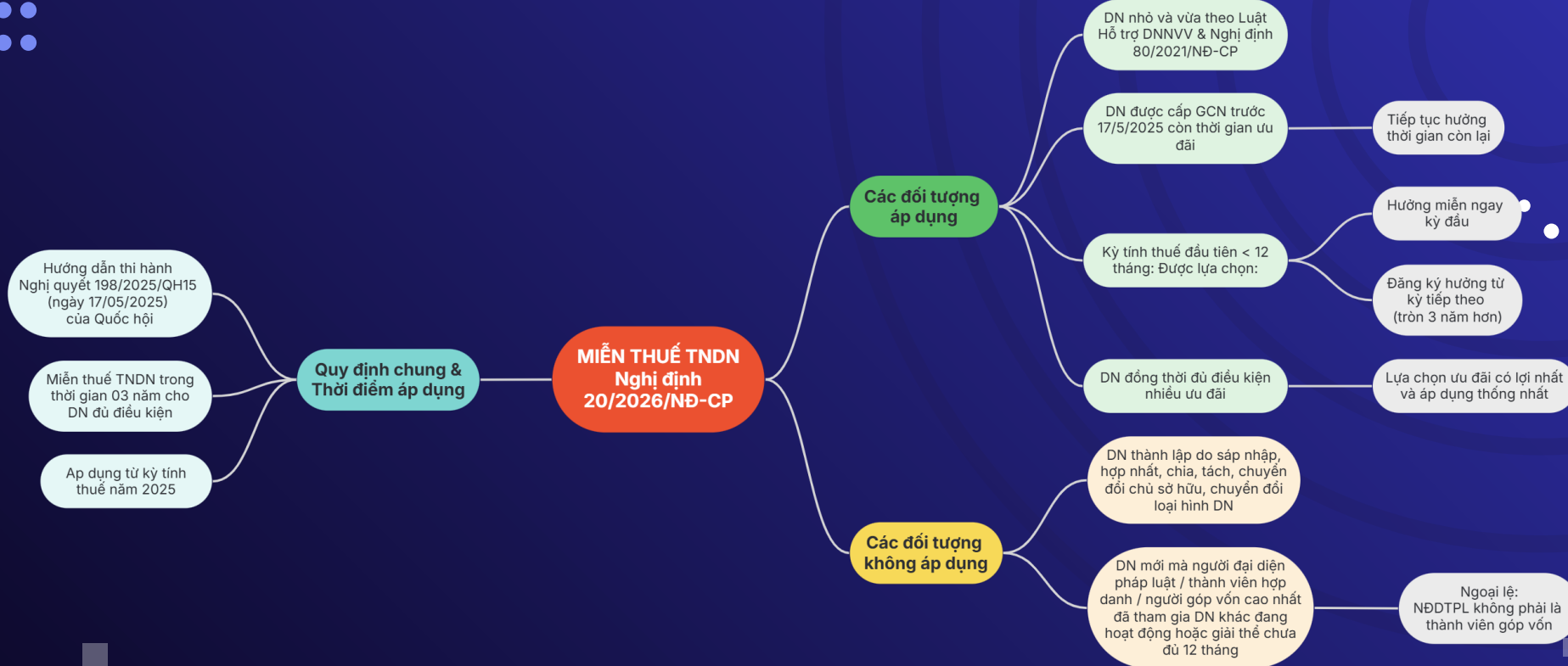
Quy định mới (Từ 2025)

Điều 3 và khoản 3, Điều 7 Luật số 67/2025/QH15 & Nghị định 320/2025/NĐ-CP

Doanh nghiệp có nhiều hoạt động sản xuất, kinh doanh trong kỳ tính thuế thì thu nhập chịu thuế từ hoạt động sản xuất, kinh doanh là tổng thu nhập của tất cả các hoạt động sản xuất, kinh doanh. Trường hợp có hoạt động sản xuất, kinh doanh bị lỗ thì được bù trừ số lỗ vào thu nhập chịu thuế của các hoạt động sản xuất, kinh doanh có thu nhập do doanh nghiệp tự lựa chọn (trừ thu nhập từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản, chuyển nhượng dự án đầu tư, chuyển nhượng quyền tham gia dự án đầu tư không bù trừ với thu nhập của hoạt động sản xuất, kinh doanh đang được hưởng ưu đãi thuế). Phần thu nhập còn lại sau khi bù trừ áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp của hoạt động sản xuất, kinh doanh còn thu nhập.

THUẾ SUẤT THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

5.1. Miễn thuế TNDN



TIÊU CHÍ XÁC ĐỊNH DN NHỎ VÀ VỪA (NĐ 80/2021)

LOẠI DN	LĨNH VỰC	LAO ĐỘNG BHXH	DOANH THU HOẶC NGUỒN VỐN
Doanh nghiệp NHỎ	Nông nghiệp, CN, Xây dựng	≤ 100 người	DT ≤ 50 tỷ hoặc NV ≤ 20 tỷ
	Thương mại, Dịch vụ	≤ 50 người	DT ≤ 100 tỷ hoặc NV ≤ 50 tỷ
Doanh nghiệp VỪA	Nông nghiệp, CN, Xây dựng	≤ 200 người	DT ≤ 200 tỷ hoặc NV ≤ 100 tỷ
	Thương mại, Dịch vụ	≤ 100 người	DT ≤ 300 tỷ hoặc NV ≤ 100 tỷ

ĐIỀU KHOẢN CHUYỂN TIẾP (NGHỊ QUYẾT 198 & NĐ 20/2026)

Trường hợp doanh nghiệp đã được cấp Giấy chứng nhận (GCN) trước thời điểm Nghị quyết 198 có hiệu lực (17/5/2025) mà vẫn còn thời gian ưu đãi thì **tiếp tục được hưởng ưu đãi** cho thời gian còn lại. (Áp dụng cho cả DN thành lập 2023-2025).



CASE STUDY

Công ty A kinh doanh thương mại, được cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu năm 2024 năm tài chính 01/01–31/12. Số liệu thực tế:

Năm	SỐ LĐ BHXH	Doanh thu
2024	10 người	100 triệu
2025	20 người	2 tỷ

⇒ Hỏi: Công ty có được miễn thuế TNDN không? Thời gian miễn?

CASE STUDY

1. Công ty A thỏa mãn tiêu chí là doanh nghiệp nhỏ thuộc đối tượng áp dụng Nghị định 20/2026/NĐ-CP
⇒ được hưởng miễn thuế TNDN

Điều 5. Tiêu chí xác định doanh nghiệp nhỏ và vừa

1. Doanh nghiệp siêu nhỏ trong lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản; lĩnh vực công nghiệp và xây dựng sử dụng lao động có tham gia bảo hiểm xã hội bình quân năm không quá 10 người và tổng doanh thu của năm không quá 3 tỷ đồng hoặc tổng nguồn vốn của năm không quá 3 tỷ đồng.

Doanh nghiệp siêu nhỏ trong lĩnh vực thương mại và dịch vụ sử dụng lao động có tham gia bảo hiểm xã hội bình quân năm không quá 10 người và tổng doanh thu của năm không quá 10 tỷ đồng hoặc tổng nguồn vốn của năm không quá 3 tỷ đồng.

2. Doanh nghiệp nhỏ trong lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản; lĩnh vực công nghiệp và xây dựng sử dụng lao động có tham gia bảo hiểm xã hội bình quân năm không quá 100 người và tổng doanh thu của năm không quá 50 tỷ đồng hoặc tổng nguồn vốn của năm không quá 20 tỷ đồng, nhưng không phải là doanh nghiệp siêu nhỏ theo quy định tại khoản 1 Điều này.

Doanh nghiệp nhỏ trong lĩnh vực thương mại và dịch vụ sử dụng lao động có tham gia bảo hiểm xã hội bình quân năm không quá 50 người và tổng doanh thu của năm không quá 100 tỷ đồng hoặc tổng nguồn vốn của năm không quá 50 tỷ đồng, nhưng không phải là doanh nghiệp siêu nhỏ theo quy định tại khoản 1 Điều này.

3. Doanh nghiệp vừa trong lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản; lĩnh vực công nghiệp và xây dựng sử dụng lao động có tham gia bảo hiểm xã hội bình quân năm không quá 200 người và tổng doanh thu của năm không quá 200 tỷ đồng hoặc tổng nguồn vốn của năm không quá 100 tỷ đồng, nhưng không phải là doanh nghiệp siêu nhỏ, doanh nghiệp nhỏ theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này.

Doanh nghiệp vừa trong lĩnh vực thương mại và dịch vụ sử dụng lao động có tham gia bảo hiểm xã hội bình quân năm không quá 100 người và tổng doanh thu của năm không quá 300 tỷ đồng hoặc tổng nguồn vốn của năm không quá 100 tỷ đồng, nhưng không phải là doanh nghiệp siêu nhỏ, doanh nghiệp nhỏ theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này.

CASE STUDY

2. Thời gian miễn thuế: 2 năm 2025 và 2026 (do chính sách miễn thuế chỉ áp dụng cho kì tính thuế năm 2025)



VÍ DỤ MINH HỌA:

Doanh nghiệp được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu năm 2024 thì thời gian 03 năm đầu thành lập được xác định như sau:

- + Năm thứ nhất: 2024
- + Năm thứ hai: 2025
- + Năm thứ ba: 2026

Do chính sách miễn thuế TNDN chỉ áp dụng từ kỳ tính thuế năm 2025, nên:

- + Doanh nghiệp được miễn thuế TNDN trong 02 năm là 2025 và 2026;
- + Năm 2024 không thuộc thời gian được miễn thuế do chính sách chưa có hiệu lực

Như vậy, doanh nghiệp mới thành lập năm 2024 vẫn được áp dụng miễn thuế TNDN 3 năm đầu và được miễn thuế TNDN năm 2025 và 2026.

THUẾ CƠ SỞ 21 THÀNH PHỐ HÀ NỘI

THUẾ SUẤT THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

5.1. Ưu đãi thuế

Đối tượng áp dụng	Thuế suất trước 2025	Thuế suất từ 2025
Mức chung	20% (từ 2016)	20%
DN có doanh thu ≤ 3 tỷ đồng/năm	≤ 20 tỷ áp dụng 20%	15%
DN có doanh thu >3 – ≤50 tỷ đồng/năm	≤ 20 tỷ áp dụng 20%	17%
Hoạt động dầu khí	32% – 50%	25% – 50% (do Thủ tướng quyết định tùy hợp đồng)
Khai thác tài nguyên quý hiếm	32% – 50%	50%; 40% nếu tại địa bàn đặc biệt khó khăn

Lưu ý

Tổng doanh thu làm căn cứ xác định doanh nghiệp thuộc đối tượng áp dụng thuế suất 15%, 17% là tổng doanh thu từ hoạt động bán hàng, cung cấp dịch vụ (không bao gồm các khoản giảm trừ doanh thu), doanh thu từ hoạt động tài chính và thu nhập khác trên Phụ lục kết quả hoạt động sxkd kèm theo tờ khai quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp của **kỳ tính thuế năm trước liền kề**.

- ❖ Kỳ tính thuế trước liền kề dưới 12 tháng: Tổng doanh thu = (DT thực tế / Số tháng) × 12
- ❖ Doanh nghiệp mới thành lập thì thời gian hoạt động được tính đủ tháng.

⚠ Các trường hợp không được áp dụng thuế suất ưu đãi (15%, 17%) với:

- Doanh nghiệp là **công ty con hoặc công ty có quan hệ liên kết** của các DN lớn, không đáp ứng điều kiện áp dụng thuế suất ưu đãi. (căn cứ khoản 4 Điều 18).
- Thu nhập từ chuyển nhượng vốn, chuyển nhượng quyền góp vốn; thu nhập từ chuyển nhượng bất động sản, thu nhập từ chuyển nhượng dự án đầu tư, chuyển nhượng quyền thăm dò, khai thác, chế biến khoáng sản, thu nhập từ hoạt động sản xuất, kinh doanh ở ngoài Việt Nam
- Sản xuất, kinh doanh trò chơi điện tử trên mạng; thu nhập từ sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế tiêu thu đặc biệt



Công ty Manabox Việt Nam , Chủ sở hữu là công ty Manabox JP, doanh thu năm 2024 là 10 tỷ.

Vậy công ty Manabox có thuộc trường hợp hưởng thuế suất thuế TNDN năm 2025 là 17% không?



Trả lời:

Theo Nghị định 320/2025/NĐ-CP được ban hành chính thức, do Manabox Việt Nam là công ty con có công ty mẹ (Quan hệ liên kết) không thuộc trường hợp được áp dụng thuế suất 17% nên **KHÔNG** thuộc đối tượng áp dụng thuế suất 17%



CHI TIẾT HỎI ĐÁP



Hỏi:

Kính gửi Bộ Tài Chính! Căn cứ Nghị Định 320/2025/NĐ-CP như sau: " Điều 11. Thuế suất ... 4. Tổng doanh thu làm căn cứ xác định doanh nghiệp thuộc đối tượng áp dụng thuế suất 15% và 17% quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều này là tổng doanh thu từ hoạt động bán hàng, cung cấp dịch vụ (không bao gồm các khoản giảm trừ doanh thu), doanh thu từ hoạt động tài chính và thu nhập khác trên Phụ lục kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh kèm theo tờ khai quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp của kỳ tính thuế năm trước liền kề. ... c) Thuế suất 15% và 17% quy định tại Điều này không áp dụng đối với doanh nghiệp được thành lập theo quy định của pháp luật Việt Nam là công ty con hoặc công ty có quan hệ liên kết mà doanh nghiệp trong quan hệ liên kết không phải là doanh nghiệp đáp ứng điều kiện áp dụng thuế suất quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều này. Theo quy định như trên thì 2 công ty có quan hệ liên kết theo Điểm g, Khoản 2, Điều 5 Nghị định 132/2020/NĐ-CP và trong kỳ tính thuế năm 2024 tổng doanh thu của từng công ty đạt không quá 50 tỉ đồng. Vậy trường hợp này có được hưởng thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp theo Khoản 2 và Khoản 3 Điều 11 Nghị định 320/2025/NĐ-CP hay không? Kính mong Bộ Tài Chính trả lời để Doanh nghiệp thực hiện đúng quy định. Xin chân thành cảm ơn!

03/03/2026



Trả lời:

THUẾ SUẤT THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

5.1. Ưu đãi thuế

Trả lời:

03/03/2026

Ngày 31/01/2026 Thuế cơ sở 12 Thành phố Hồ Chí Minh có tiếp nhận Phiếu hỏi đáp số: 290126-34 hỏi về chính sách thuế. Về vấn đề này Thuế cơ sở 12 Thành phố Hồ Chí Minh có ý kiến như sau:

- Căn cứ quy định tại Điểm g Khoản 2 Điều 5 Nghị định số 132/2020/NĐ-CP ngày 05/11/2020 của Chính phủ quy định về quản lý thuế đối với doanh nghiệp có giao dịch liên kết:

“Điều 5. Các bên có quan hệ liên kết

...

2. Các bên liên kết tại khoản 1 điều này được quy định cụ thể như sau:

...

g) Hai doanh nghiệp được điều hành hoặc chịu sự kiểm soát về nhân sự, tài chính và hoạt động kinh doanh bởi các cá nhân thuộc một trong các mối quan hệ vợ, chồng; cha mẹ đẻ, cha mẹ nuôi, cha dượng, mẹ kế, cha mẹ vợ, cha mẹ chồng; con đẻ, con nuôi, con riêng của vợ hoặc chồng, con dâu, con rể; anh, chị, em cùng cha mẹ, anh, chị em cùng cha khác mẹ, anh, chị, em cùng mẹ khác cha, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của người cùng cha mẹ hoặc cùng cha khác mẹ, cùng mẹ khác cha; ông bà nội, ông bà ngoại; cháu nội, cháu ngoại; cô, dì, chú, cậu, bác ruột và cháu ruột;

c) Thuế suất 15% và 17% quy định tại Điều này không áp dụng đối với doanh nghiệp được thành lập theo quy định của pháp luật Việt Nam là công ty con hoặc công ty có quan hệ liên kết mà doanh nghiệp trong quan hệ liên kết không phải là doanh nghiệp đáp ứng điều kiện áp dụng thuế suất quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều này.

...”

Nếu hai doanh nghiệp có quan hệ liên kết theo Điểm g Khoản 2 Điều 5 Nghị định số 132/2020/NĐ-CP ngày 05/11/2020 Chính phủ quy định về quản lý thuế đối với doanh nghiệp có giao dịch liên kết và trong kỳ tính thuế năm 2024 tổng doanh thu của từng doanh nghiệp không quá 50 tỷ đồng thì được hưởng thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp theo Khoản 2 và Khoản 3 Điều 11 Nghị định số 320/2025/NĐ-CP ngày 15/12/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành luật thuế thu nhập doanh nghiệp.

Doanh nghiệp tự xác định điều kiện áp dụng thuế suất theo Điều 11 Nghị định số 320/2025/NĐ-CP ngày 15/12/2025 của Chính phủ và tự chịu trách nhiệm việc xác định này.

Thuế cơ sở 12 Thành phố Hồ Chí Minh trả lời đề ông Lý Văn Bé được biết và thực hiện.

THU NHẬP MIỄN THUẾ + TRÍCH QUỸ KHCN

So sánh quy định hiện hành và Luật Thuế TNDN số 67/2025

Yếu tố	Quy định cũ (Luật TNDN 2008, TT 67/2022/TT-BTC)	Luật Thuế TNDN số 67/2025 (Điều 17)
Mức trích lập	- DN ngoài NN: tối đa 10% thu nhập tính thuế. - DN NN: từ 3% đến 10% theo quy định CP.	Doanh nghiệp, tổ chức, đơn vị sự nghiệp được trích tối đa 20% thu nhập tính thuế.
Trong 5 năm từ khi trích lập: nếu không sử dụng, hoặc dùng <70%, hoặc sai mục đích	- Nộp bổ sung: + Phần thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên khoản thu nhập đã trích lập quỹ mà không sử dụng hoặc sử dụng không đúng mục đích + Phần lãi phát sinh từ số thuế thu nhập doanh nghiệp đó.	
Lãi suất tính lãi đối với số thuế thu hồi tính trên phần quỹ không sử dụng hết	Lãi suất trái phiếu kho bạc loại kỳ hạn một năm (hoặc lãi suất tín phiếu kho bạc loại kỳ hạn một năm) áp dụng tại thời điểm thu hồi và thời gian tính lãi là hai năm.	Lãi suất trái phiếu kho bạc loại kỳ hạn 05 năm hoặc kỳ hạn 10 năm (trong trường hợp không có loại kỳ hạn 05 năm) phát hành gần thời điểm thu hồi nhất và thời gian tính lãi là 02 năm.
Lãi suất tính lãi đối với số thuế thu hồi tính trên phần quỹ sử dụng sai mục đích	Mức tính tiền chậm nộp theo quy định của Luật Quản lý thuế	

7. Hướng dẫn cách nộp mới thủ tục trên dịch vụ công

HƯỚNG DẪN NỘP BCTC 2025 TRÊN TRANG DỊCH VỤ CÔNG

Bước 1: Truy cập vào trang dichvucong.gov.vn rồi chọn tab **Dịch Vụ Khác** như trong ảnh

Lưu ý:

- Trường hợp NNT không trong phương thức ký điện tử và chỉ khai "Ký điện tử" sẽ nộp hồ sơ dẫn CQT mà không phải chọn chức năng "Nộp từ khai".
- Trường hợp không thể được từ khai, NNT được chọn xóa cache trình duyệt hoặc cập nhật lại phiên bản browser theo hướng dẫn chi tiết [T.009]

7. Hướng dẫn cách nộp mới thủ tục trên dịch vụ công

Bước 2: Sau khi nộp thành công thì tra cứu tờ khai để nộp TMBCTC

TỔ CHỨC

9

10 Tra cứu > Tờ khai

Tổ khai: --Tất cả--

Mã giao dịch: --Tất cả--

Ngày nộp tờ khai: 01/02/2024 Đến ngày: 01/02/2024 **11**

Tra cứu **12**

Kết quả tra cứu

Mã giao dịch	Tên doanh nghiệp	Mã đơn vị	Loại tờ khai	Tờ khai	Tờ khai	Ngày nộp	Ngày nộp	Ngày nộp
TT03, VuongPhu_CT, B11a-B1b báo cáo tài chính, định cho doanh nghiệp vừa và nhỏ hoạt động sản xuất B11a (không từ 03/2017 đến 01/2024)	2025	Chính thức	1	0	01/02/2024 20:01:55	01/02/2024 20:01:55	01/02/2024 20:01:55	01/02/2024 20:01:55

13

7. Hướng dẫn cách nộp mới thủ tục trên dịch vụ công

Bước 3: TMBCTC có thể là file xls, pdf, hoặc doc

The screenshot displays the 'Tổ Chức' (Organization) step of the TMBCTC online service. The interface includes a header with navigation links: 'THỦ TỤC HÀNH CHÍNH', 'DỊCH VỤ KHÁC', 'TRẢ CẦU HỒ SƠ', 'TÀI TỨC', 'GIỚI THIỆU', and 'TẠO GIỚI'. The main content area shows the 'Tổ Chức' section with a 'Chọn tập tin' (Select file) button. A file upload dialog box is open, showing a list of files. The file 'Bản DNN Thuyết minh báo cáo tài chính.xls' is selected, highlighted by a red arrow labeled 15. The dialog box also shows the file name and type (All files). The 'Chọn tập tin' button is highlighted by a red arrow labeled 16. The 'Phụ lục' (Attachment) dropdown menu is highlighted by a red arrow labeled 14. The 'Chọn tập tin' button is also highlighted by a red arrow labeled 17.

7. Hướng dẫn cách nộp mới thủ tục trên dịch vụ công

Bước 4: Có thông báo thành công như thế này là xong bước gửi tờ khai TMBCTC

The screenshot shows the 'TỔ CHỨC' (Organization) section of the TMBCTC submission process. It displays the submitted information and a confirmation message.

TO KHAI CHÍNH: Bộ báo cáo tài chính định cho doanh nghiệp vữa và nhỏ hoạt động liên tục mẫu B01a (thông tư 133/2016/TT-BTC)

Kỳ tính thuế: 2025

Phụ lục: B01A-TM_TT133-Thuyết minh báo cáo tài chính

Tập phụ lục:

Lưu ý:

- Trường hợp NNT sử dụng phương thức kê sổ từ cơ sở kinh "kê điện tử" sẽ nộp tờ sơ dẫn CQT mà không phải nộp thuế năng "Nộp tờ khai".
- Trường hợp không gửi được phụ lục, NNT được điện báo cảnh báo được hoặc cấp nhật tại phòng ban chuyên môn hướng dẫn chi tiết [tại đây](#)

Danh sách file tờ khai đã nộp thành công thì CQT

STT	Nội dung đính	Tên khai/Phụ lục	Kỳ tính thuế	Loại tờ khai	Lần nộp	Năm nộp	Nội dung phụ lục
1	133/2016/TT-BTC	B01A-TM_TT133-Thuyết minh báo cáo tài chính	2025	Chính thức	1	Thuế cơ sở 8-Bình Dương	

18 Thành công

7. Hướng dẫn cách nộp mới thủ tục trên dịch vụ công

Bước 5: 03TNDN lại phải quay qua tab THỦ TỤC HÀNH CHÍNH, gọi tên tờ khai tại mục tờ khai

Chọn tờ khai

03/TNDN - Tờ khai quyết toán thuế TNDN mẫu số 03/TNDN (...)

Tiếp tục

Tìm kiếm

Trang 1/1 — Tổng số bản ghi: 2 (223 TTHC)

STT	Mã	Tên thủ tục	Mức độ	Cơ quan thực hiện	Nộp hồ sơ
1	1.008346	Khai quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp theo phương pháp doanh thu - chi phí	Toàn trình	Thuế tỉnh, thành phố / Thuế cơ sở	
2	1.010948	Khai quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp đối với người nộp thuế có đơn vị phụ thuộc, địa điểm kinh doanh khác tỉnh, thành phố nơi có trụ sở chính có thu nhập được hưởng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp	Toàn trình	Thuế tỉnh, thành phố / Thuế cơ sở	

7. Hướng dẫn cách nộp mới thủ tục trên dịch vụ công

Bước 6: Chọn tệp, ký số thành công

The screenshot shows the 'HỆ THỐNG THÔNG TIN GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH' (Administrative Service System) website. The page title is 'Hành chính phục vụ Cục Thuế - Bộ Tài chính'. The main content area displays a form for '03/TNDN - Tờ khai quyết toán thuế TNDN mẫu số 03/2025'. A file explorer window is open, showing a list of files in the 'BCTT HƯAC' folder. The file '5000-03_TNDN_TT80-Y2025-L00' is selected. The website interface includes a 'Chọn tệp' (Select file) button, a 'Ký số' (Sign) button, and a 'Tiếp tục' (Continue) button. A red arrow points to the 'Chọn tệp' button, and another points to the 'Ký số' button. A third red arrow points to the 'Tiếp tục' button. A fourth red arrow points to the file '5000-03_TNDN_TT80-Y2025-L00' in the file explorer. A fifth red arrow points to the 'Nộp XML' button. A sixth red arrow points to the 'Ký số' button. A seventh red arrow points to the 'Tiếp tục' button. A eighth red arrow points to the file '5000-03_TNDN_TT80-Y2025-L00' in the file explorer. A ninth red arrow points to the 'Chọn tệp' button. A tenth red arrow points to the 'Ký số' button. A eleventh red arrow points to the 'Tiếp tục' button. A twelfth red arrow points to the file '5000-03_TNDN_TT80-Y2025-L00' in the file explorer. A thirteenth red arrow points to the 'Chọn tệp' button. A fourteenth red arrow points to the 'Ký số' button. A fifteenth red arrow points to the 'Tiếp tục' button. A sixteenth red arrow points to the file '5000-03_TNDN_TT80-Y2025-L00' in the file explorer. A seventeenth red arrow points to the 'Chọn tệp' button. An eighteenth red arrow points to the 'Ký số' button. A nineteenth red arrow points to the 'Tiếp tục' button. A twentieth red arrow points to the file '5000-03_TNDN_TT80-Y2025-L00' in the file explorer.

03/TNDN - Tờ khai quyết toán thuế TNDN mẫu số 03/2025

5000-03_TNDN_TT80-Y2025-L00.xml

Chọn tệp

Quay lại Ký số Tiếp tục

File lớn hơn 5MB vui lòng ký offline bằng tool ký CTSigningHUB hoặc khi Nộp hồ sơ

CỤC THUẾ - HỆ THỐNG THÔNG TIN GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

Cơ quan chủ quản: Bộ Tài chính

Địa chỉ: Số 1A - Nguyễn Công Trứ - Phường Hai Bà Trưng - Thành phố Hà Nội

Điện thoại: (024) 37689679 - số máy lẻ 2180

Thư điện tử: nhomhntdt@gdt.gov.vn

7. Hướng dẫn cách nộp mới thủ tục trên dịch vụ công

Bước 7: Sau đó đính kèm BCTC đã nộp ở bước 1

The screenshot displays a web application interface for public services. On the left, a list of steps is shown, with step 23 selected. On the right, an 'Open' file dialog box is open, showing the contents of a folder named 'BCT TỔ HTAC'. The file '905000-133_B01A_DNN_BTC-V2025-L00' is selected, and a red arrow points to it. Another red arrow points to the 'Chọn' (Select) button in the step 23 row.

STT	Nội dung	Trạng thái	Chọn
19			
20	Bộ báo cáo tài chính TT 49/2014/TT-NHNN (Giữa niên độ dạng		
21	Bộ báo cáo tài chính TT 49/2014/TT-NHNN (Giữa niên độ dạng		
22	Bộ báo cáo tài chính dành cho doanh nghiệp vừa và nhỏ hoạt đ		
23	Bộ báo cáo tài chính dành cho doanh nghiệp vừa và nhỏ hoạt động liên tục mẫu B01b (thông tư 133/2016/TT-BTC)	Chọn file (không bắt b	Chọn
24	Bộ báo cáo tài chính dành cho doanh nghiệp vừa và nhỏ hoạt động không liên tục (thông tư 133/2016/TT-BTC)	Chọn file (không bắt buộc)	Chọn
25	Bộ báo cáo tài chính dành cho doanh nghiệp siêu nhỏ (thông tư 133/2016/TT-BTC)	Chọn file (không bắt buộc)	Chọn
26	Bộ báo cáo tài chính áp dụng đối với Người điều hành đầu khi đáp ứng thông tư 107/2014/TT-BTC	Chọn file (không bắt buộc)	Chọn

7. Hướng dẫn cách nộp mới thủ tục trên dịch vụ công

Bước 8: Ký hồ sơ và gửi lên dichvucong

dichvucong.gdt.gov.vn/tthc/tk03-trdn-tt80/nop-tai-lieu

☐	34	Báo cáo tài chính năm (TT24/2017/TT-BTC - mẫu B01b theo TT133)	Chọn file (không bắt buộc)	Chọn
☐	35	Báo cáo tài chính năm (TT24/2017/TT-BTC - mẫu B01b theo TT133)	Chọn file (không bắt buộc)	Chọn
☐	36	Báo cáo tài chính năm đầy đủ (TT107/2017/TT-BTC)	Chọn file (không bắt buộc)	Chọn
☐	37	Báo cáo tài chính năm đơn giản (TT107/2017/TT-BTC)	Chọn file (không bắt buộc)	Chọn

Thêm đóng Xóa đóng

[Quay lại](#) [Ký hồ sơ](#) [Tiếp tục](#)

CỤC THUẾ - HỆ THỐNG THÔNG TIN GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

Cơ quan chủ quản: Bộ Tài chính

Địa chỉ: Số 1A - Nguyễn Công Trứ - Phường Hai Bà Trưng - Thành phố Hà Nội

Ghi rõ nguồn "https://www.dichvucong.gdt.gov.vn" khi phát hành tin từ website này

Hồ sơ: (024) 39712555

Điện thoại: (024) 39712555 - số máy lẻ 2180

Thư điện tử: nhomhthtdt@gdt.gov.vn

7. Hướng dẫn cách nộp mới thủ tục trên dịch vụ công

Bước 11: Tra cứu hồ sơ và check trạng thái tiếp nhận/chấp nhận của cơ quan thuế

HỆ THỐNG THÔNG TIN GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH
Hành chính phục vụ
Cục Thuế - Bộ Tài chính

Tổ Hợp Tác Tân Tin

THỦ TỤC HÀNH CHÍNH DỊCH VỤ KHÁC **TRA CỨU HỒ SƠ** TIN TỨC GIỚI THIỆU TRỢ GIÚP

Tra cứu hồ sơ đã nộp trên DVC Tra cứu hồ sơ đã nộp trên thuế

41

Tra cứu hồ sơ đã nộp trên DVC

Loại thủ tục hành chính: Tên thủ tục hành chính:

Tài khoản: Mã hồ sơ:

Từ ngày: 01/01/2026 Đến ngày: 01/02/2026

42

43

44

45

46

47

48

49

50

51

52

53

54

55

56

57

58

59

60

61

62

63

64

65

66

67

68

69

70

71

72

73

74

75

76

77

78

79

80

81

82

83

84

85

86

87

88

89

90

91

92

93

94

95

96

97

98

99

100

101

102

103

104

105

106

107

108

109

110

111

112

113

114

115

116

117

118

119

120

121

122

123

124

125

126

127

128

129

130

131

132

133

134

135

136

137

138

139

140

141

142

143

144

145

146

147

148

149

150

151

152

153

154

155

156

157

158

159

160

161

162

163

164

165

166

167

168

169

170

171

172

173

174

175

176

177

178

179

180

181

182

183

184

185

186

187

188

189

190

191

192

193

194

195

196

197

198

199

200

201

202

203

204

205

206

207

208

209

210

211

212

213

214

215

216

217

218

219

220

221

222

223

224

225

226

227

228

229

230

231

232

233

234

235

236

237

238

239

240

241

242

243

244

245

246

247

248

249

250

251

252

253

254

255

256

257

258

259

260

261

262

263

264

265

266

267

268

269

270

271

272

273

274

275

276

277

278

279

280

281

282

283

284

285

286

287

288

289

290

291

292

293

294

295

296

297

298

299

300

301

302

303

304

305

306

307

308

309

310

311

312

313

314

315

316

317

318

319

320

321

322

323

324

325

326

327

328

329

330

331

332

333

334

335

336

337

338

339

340

341

342

343

344

345

346

347

348

349

350

351

352

353

354

355

356

357

358

359

360

361

362

363

364

365

366

367

368

369

370

371

372

373

374

375

376

377

378

379

380

381

382

383

384

385

386

387

388

389

390

391

392

393

394

395

396

397

398

399

400

401

402

403

404

405

406

407

408

409

410

411

412

413

414

415

416

417

418

419

420

421

422

423

424

425

426

427

428

429

430

431

432

433

434

435

436

437

438

439

440

441

442

443

444

445

446

447

448

449

450

451

452

453

454

455

456

457

458

459

460

461

462

463

464

465

466

467

468

469

470

471

472

473

474

475

476

477

478

479

480

481

482

483

484

485

486

487

488

489

490

491

492

493

494

495

496

497

498

499

500

501

502

503

504

505

506

507

508

509

510

511

512

513

514

515

516

517

518

519

520

521

522

523

524

525

526

527

528

529

530

531

532

533

534

535

536

537

538

539

540

541

542

543

544

545

546

547

548

549

550

551

552

553

554

555

556

557

558

559

560

561

562

563

564

565

566

567

568

569

570

571

572

573

574

575

576

577

578

579

580

581

582

583

584

585

586

587

588

589

590

591

592

593

594

595

596

597

598

599

600

601

602

603

604

605

606

607

608

609

610

611

612

613

614

615

616

617

618

619

620

621

622

623

624

625

626

627

628

629

630

631

632

633

634

635

636

637

638

639

640

641

642

643

644

645

646

647

648

649

650

651

652

653

654

655

656

657

658

659

660

661

662

663

664

665

666

667

668

669

670

671

672

673

674

675

676

677

678

679

680

681

682

683

684

685

686

687

688

689

690

691

692

693

694

695

696

697

698

699

700

701

702

703

704

705

706

707

708

709

710

711

712

713

714

715

716

717

718

719

720

721

722

723

724

725

726

727

728

729

730

731

732

733

734

735

736

737

738

739

740

741

742

743

744

745

746

747

748

749

750

751

752

753

754

755

756

757

758

759

760

761

762

763

764

765

766

767

768

769

770

771

772

773

774

775

776

777

778

779

780

781

782

783

784

785

786

787

788

789

790

791

792

793

794

795

796

797

798

799

800

801

802

803

804

805

806

807

808

809

810

811

812

813

814

815

816

817

818

819

820

821

822

823

824

825

826

827

828

829

830

831

832

833

834

835

836

837

838

839

840

841

842

843

844

845

846

847

848

849

850

851

852

853

854

855

856

857

858

859

860

861

862

863

864

865

866

867

868

869

870

871

872

873

874

875

876

877

878

879

880

881

882

883

884

885

886

887

888

889

890

891

892

893

894

895

896

897

898

899

900

901

902

903

904

905

906

907

908

909

910

911

912

913

914

915

916

917

918

919

920

921

922

923

924

925

926

927

928

929

930

931

932

933

934

935

936

937

938

939

940

941

942

943

944

945

946

947

948

949

950

951

952

953

954

955

956

957

958

959

960

961

962

963

964

965

966

967

968

969

970

971

972

973

974

975

976

977

978

979

980

981

982

983

984

985

986

987

988

989

990

991

992

993

994

995

996

997

998

999

1000

1001

1002

1003

1004

1005

1006

1007

1008

1009

1010

1011

1012

1013

1014

1015

1016

1017

1018

1019

1020

1021

1022

1023

1024

1025

1026

1027

1028

1029

1030

1031

1032

1033

1034

1035

1036

1037

1038

1039

1040

1041

1042

1043

1044

1045

1046

1047

1048

1049

1050

1051

1052

1053

1054

1055

1056

1057

1058

1059

1060

1061

1062

1063

1064

1065

1066

1067

1068

1069

1070

1071

1072

1073

1074

1075

1076

1077

1078

1079

1080

1081

1082

1083

1084

1085

1086

1087

1088

1089

1090

1091

1092

1093

1094

1095

1096

1097

1098

1099

1100

1101

1102

1103

1104

1105

1106

1107

1108

1109

1110

1111

1112

1113

1114

1115

1116

1117

1118

1119

1120

1121

1122

1123

1124

1125

1126

1127

1128

1129

1130

1131

1132

1133

1134

1135

1136

1137

1138

1139

1140

1141

1142

1143

1144

1145

1146

1147

1148

1149

1150

1151

1152

1153

1154

1155

1156

1157

1158

1159

1160

1161

1162

1163

1164

1165

1166

1167

1168

1169

1170

1171

1172

1173

1174

1175

1176

1177

1178

1179

1180

1181

1182

1183

1184

1185

1186

1187

1188

1189

1190

1191

1192

1193

1194

1195

1196

1197

1198

1199

1200

1201

1202

1203

1204

1205

1206

1207

1208

1209

1210

1211

1212

1213

1214

1215

1216

1217

1218

1219

1220

1221

1222

1223

1224

1225

1226

1227

1228

1229

1230

1231

1232

1233

1234

1235

1236

1237

1238

1239

1240

1241

1242

1243

1244

1245

1246

1247

1248

1249

1250

1251

1252

1253

1254

1255

1256

1257

1258

1259

1260

1261

1262

1263

1264

1265

1266

1267

1268

1269

1270

1271

1272

1273

1274

1275

1276

1277

1278

1279

1280

1281

1282

1283

1284

1285

1286

1287

1288

1289

1290

1291

1292

1293

1294

1295

1296

1297

1298

1299

1300

1301

1302

1303

1304

1305

1306

1307

1308

1309

1310

1311

1312

1313

1314

1315

1316

1317

1318

1319

1320

1321

1322

1323

1324

1325

1326

1327

1328

1329

1330

1331

1332

1333

1334

1335

1336

1337

1338

1339

1340

1341

1342

1343

1344

1345

1346

1347

1348

1349

1350

1351

1352

1353

1354

1355

1356

1357

1358

1359

1360

1361

1362

1363

1364

1365

1366

1367

1368

1369

1370

1371

1372

1373

1374

1375

1376

1377

1378

1379

1380

1381

1382

1383

1384

1385

1386

1387

1388

1389

1390

1391

1392

1393

1394

1395

1396

1397

1398

1399

1400

1401

1402

1403

1404

1405

1406

1407

1408

1409

1410

1411

1412

1413

1414

1415

1416

1417

1418

1419

1420

1421

1422

1423

1424

1425

1426

1427

1428

1429

1430

1431

1432

1433

1434

1435

1436

1437

1438

1439

1440

1441

1442

1443

1444

1445

1446

1447

1448

1449

1450

1451

1452

1453

1454

1455

1456

1457

1458

1459

1460

1461

1462

1463

1464

1465

1466

1467

1468

1469

1470

1471

1472

1473

1474

1475

1476

1477

1478

1479

1480

1481

1482

1483

1484

1485

1486

1487

1488

1489

1490

1491</